

Hà Nội, ngày        tháng        năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tác động của chính sách của Dự án**

#### **Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)**

*(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*

## **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Nước là tài nguyên thiết yếu cho cuộc sống nhưng chỉ có 3% lượng nước trên thế giới là nước ngọt, 97% là nước mặn; 2/3 lượng nước ngọt tồn tại dưới dạng sông băng và mũ băng ở Bắc cực, phần còn lại chủ yếu là ở dạng nước dưới đất và một tỷ lệ nhỏ tồn tại trên mặt đất và không khí.

Trên thế giới, khoảng 1/3 số quốc gia đang bị thiếu nước, dự báo đến năm 2025 con số này sẽ tăng lên 2/3 với khoảng 35% dân số thế giới rơi vào tình cảnh thiếu nước nghiêm trọng. Ở một số quốc gia, lượng nước bình quân trên đầu người đang giảm đáng kể. Vì vậy, mối quan tâm về nước không phải của riêng một số quốc gia mà là vấn đề toàn cầu, ở cấp độ an ninh nguồn nước (ANNN). Tại Hội nghị COP27 vừa diễn ra tháng 11/2022 tại Ai Cập cũng đã nhấn mạnh tài nguyên nước được xem là trung tâm của các hành động thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng đến phát triển bền vững và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc.

Nước là một trong những nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá, có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, mỗi vùng lưu vực sông và mỗi địa phương.

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sự gia tăng dân số, quá trình đô thị hóa đòi hỏi nhu cầu nước cho sản xuất và dân sinh ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, nhưng phát triển cũng ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng, trữ lượng nguồn nước. Nhu cầu về nước ngày càng tăng dẫn đến việc khai thác sử dụng tài nguyên nước ngày càng nhiều. Nhu cầu dùng nước ở nước ta do tăng dân số, đô thị hóa, công nghiệp hóa,... dự báo đến năm 2030 khoảng 122 tỷ m<sup>3</sup>/năm, tăng 1,5 lần so với hiện nay.

Ngoài ra, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước mặt, nước ngầm, thiếu nước, khan hiếm nước trở nên phổ biến hơn. Cạnh tranh giữa sử dụng nước cho thủy điện và các nhu cầu tiêu thụ nước khác, đặc biệt cho sản xuất nông nghiệp ở hạ du một số lưu vực sông lớn đã xảy ra trong những năm gần đây, nhất là trong mùa khô; việc suy giảm rừng đầu nguồn, diện tích rừng không được cải thiện, chất lượng rừng kém làm giảm nguồn sinh thủy của các sông, suối, hồ chứa, cùng với nhu cầu sử

dụng nước gia tăng trong khi tình trạng sử dụng nước lãng phí, kém hiệu quả còn khá phổ biến.

Chưa bảo đảm việc sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, hiệu quả tài nguyên nước, nhất là huy động nguồn nước của hệ thống các hồ chứa tham gia điều tiết dòng chảy cho hạ du,... Một nguyên nhân nữa không kém phần quan trọng là do việc khai thác, sử dụng nước thiếu hợp lý dẫn đến khai thác quá mức ở một số khu vực, lưu vực sông; ý thức về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả còn thấp,...

Thêm vào đó, có thể thấy biến đổi khí hậu (BĐKH) đang diễn ra sớm và mạnh hơn so với chúng ta đã từng dự báo. Tài nguyên nước chịu tác động mạnh nhất và trực tiếp nhất trước diễn biến của BĐKH, kéo theo các vấn đề về dân sinh, kinh tế và môi trường. Ví dụ như: giai đoạn 2012-2020 trùng với vào chu kỳ chuỗi El Nino diễn ra mạnh mẽ, mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm, đặc biệt là trong các năm 2015 và 2019, dẫn đến tình trạng hạn hán, thiếu nước kỷ lục trên phần lớn các khu vực của nước ta tại vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và vùng ĐBSCL vào mùa khô mùa khô 2015-2016 và 2019-2020.

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát và ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết nêu trên tại Quyết định số 1298/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2021. Theo đó, đã đưa ra nhiệm vụ lập Dự án tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012 và xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) vào năm 2022- 2023.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước và đề nghị xây dựng Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trong đó đã yêu cầu cơ quan, tổ chức được giao lập đề nghị, chủ trì soạn thảo thực hiện nghiêm, thực chất hơn việc tổng kết thi hành pháp luật; đánh giá tác động của chính sách; đánh giá kỹ lưỡng về nguồn lực để thực hiện; tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Việc soạn thảo phải đặt yêu cầu cao về chất lượng, bám sát và kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; các quy định phải bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, có tính quy phạm cao, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh và có sự thống nhất cao thì mới đề xuất quy định trong luật; những vấn đề tuy cấp bách, cần thiết nhưng là vấn đề mới, chưa có sự đồng thuận cao thì có thể đề xuất thực hiện thí điểm.

Thực hiện Nghị quyết nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật Tài nguyên nước sửa đổi và hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) như sau:

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng thể**

- Tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bảo đảm minh bạch, đồng bộ để có khả năng vốn hóa nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả; đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia, giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn nước từ nước ngoài và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; đồng thời tách bạch quản lý tổng hợp thống nhất về tài nguyên nước với quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước (công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, nông thôn, cấp nước công nghiệp, dịch vụ, giao thông thủy...); chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; phân định rõ trách nhiệm quản lý nguồn nước và trách nhiệm quản lý công trình khai thác nước cả Trung ương và địa phương khắc phục các chồng chéo, xung đột pháp luật.

- Hướng tới quản lý tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số, thống nhất về cơ sở dữ liệu, xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực, giảm thiểu nhân lực quản lý, vận hành, chi phí đầu tư của nhà nước; đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đủ cơ sở pháp lý để giải quyết những vấn đề về tài nguyên nước đặt ra của giai đoạn phát triển mới; bảo đảm tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế; tạo hành lang pháp lý đồng bộ về tài nguyên nước, thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội; giảm điều kiện kinh doanh cho tổ chức, cá nhân.

- Chuyển dần từ quản lý bằng công cụ hành chính sang quản lý bằng công cụ kinh tế thông qua các quy định về giá nước, thuế, phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khuyến khích sử dụng nước tuần hoàn nhằm nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hoá theo hướng những việc gì doanh nghiệp có thể làm được thì giao cho doanh nghiệp thực hiện, giảm nguồn lực đầu tư của nhà nước, hướng tới nhà nước quản lý, doanh nghiệp thực hiện.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Thể chế hóa quan điểm tài nguyên nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, thiết yếu, là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân và do Nhà nước thống nhất quản lý. Tài nguyên nước phải là cốt lõi trong xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch dân cư, quy hoạch các ngành, lĩnh vực có khai thác sử dụng nước, hoạch định chiến lược phát triển đất nước; việc khai thác sử dụng tài nguyên nước phải theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

- Các chính sách phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành liên quan và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên

quan đến lĩnh vực tài nguyên nước mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia; rõ ràng, dễ hiểu và mang tính khả thi cao, thúc đẩy đầu tư, xã hội hóa đi đôi với tăng cường bảo vệ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, gắn với yêu cầu cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả, hiệu lực.

- Kế thừa các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp với thực tiễn, các yêu cầu về bảo đảm an ninh nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và các yêu cầu về tài nguyên nước trong tình hình mới; luật hoá một số quy định trong các văn bản dưới luật đã được phát huy hiệu quả trong thực tiễn nhằm tăng giá trị pháp lý của các quy định này.

- Thiết lập hệ thống hành lang pháp lý cho quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các quy định liên quan đến quản lý nguồn nước, khai thác, sử dụng, cấp nước trong Luật Tài nguyên nước; tiếp tục đổi mới thể chế, chính sách theo hướng xã hội hóa ngành nước, khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội, các thành phần kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển nguồn nước, giảm thiểu tác hại do nước gây ra và nâng cao giá trị của nước.

- Đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia, giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn nước từ nước ngoài và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; đồng thời tách bạch quản lý tổng hợp thống nhất về tài nguyên nước với quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước (công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, nông thôn, cấp nước công nghiệp, dịch vụ, giao thông thủy...).

- Giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn; luật hóa các quy định đã được thực tiễn khẳng định phù hợp; hoàn thiện cơ chế, chế tài ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật về tài nguyên nước.

- Phát triển kinh tế nước, coi sản phẩm nước là hàng hóa thiết yếu, được xác định giá và cần được quản lý, vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận nguồn nước; mọi người dân, mọi đối tượng sử dụng nước được tiếp cận và sử dụng nguồn nước trong sinh hoạt, sản xuất với chi phí hợp lý.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá đối với các vấn đề sau đây:

1. Chính sách 1: Bảo đảm an ninh nguồn nước.
2. Chính sách 2: Xã hội hóa ngành nước.
3. Chính sách 3: Tài chính về tài nguyên nước.
4. Chính sách 4: Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số chính sách khác.

Đối với từng chính sách, Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá theo quy trình sau đây:

(i) Xác định vấn đề bất cập (mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả và nguyên nhân).

(ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề.

(iii) Các giải pháp đề xuất (có giải pháp giữ nguyên hiện trạng).

(iv) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp).

(v) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

## **1. Chính sách 1: Bảo đảm an ninh nguồn nước**

### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

*a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:*

Việt Nam được nhận định là quốc gia có nguồn tài nguyên nước khá phong phú, với lượng mưa trung bình nhiều năm của Việt Nam vào khoảng 1.990mm, thuộc số quốc gia có lượng nước mưa lớn trên thế giới.

Việt Nam có 3.450 sông, suối với chiều dài từ 10 km trở lên, trong đó: 13 sông là dòng chính các lưu vực sông lớn và 405 sông, suối liên tỉnh ; 3045 sông, suối nội tỉnh . Với tổng lượng dòng chảy hàng năm khoảng 844 tỉ m<sup>3</sup>, trong đó về mặt không gian tập trung chủ yếu (khoảng 56%) ở lưu vực sông Cửu Long, hơn 18% ở lưu vực sông Hồng-Thái Bình, còn lại ở các lưu vực sông khác. Tổng lượng nước năm tương đối lớn, nhưng tập trung chủ yếu trong mùa mưa vốn chỉ kéo dài 3 đến 5 tháng còn mùa khô kéo dài 7 đến 9 tháng lại chỉ đóng góp từ 20 đến 30% tổng lượng nước.

Phần lớn các hệ thống sông lớn của Việt Nam đều là các sông xuyên biên giới mà Việt Nam là quốc gia ở hạ nguồn. Tổng lượng nước từ nước ngoài chảy vào Việt Nam khoảng hơn 504 tỷ m<sup>3</sup> (chiếm khoảng 60% tổng lượng nước trung bình hàng năm của toàn quốc), cụ thể như: ở ĐBSCL có tới 95% tổng lượng nước là từ nước ngoài (Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia) chảy vào và ở LVS Hồng-Thái Bình có gần 40% tổng lượng nước là từ Trung Quốc.

Việt Nam cũng có tiềm năng khá lớn về nguồn nước dưới đất, nhưng tập trung chủ yếu ở các khu vực đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên. Tổng trữ lượng tiềm năng nước dưới đất trên toàn lãnh thổ ước tính khoảng 91 tỷ m<sup>3</sup>/năm (nước ngọt khoảng 69 tỷ m<sup>3</sup>/năm, nước mặn khoảng 22 tỷ m<sup>3</sup>/năm).

Sau hơn 10 năm thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được ban hành, công tác quản lý tài nguyên nước đã đạt được một số thành tựu nhất định trong thể chế, chính sách, trong quản lý khai thác, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đảm bảo an ninh, quốc phòng và đã tạo được những quan hệ ngoại

giao về nguồn nước và có thể đánh giá là tương đối đầy đủ. Các quy định trong Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các văn bản dưới luật ở một góc độ nào đó cũng có thể được xem là một trong các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước ở một góc độ nào đó. Tuy nhiên, trong nội dung của Luật không có giải thích từ ngữ, các nguyên tắc, cơ chế, quy định nào đề cập đến bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia.

Theo định nghĩa của Liên hợp quốc, an ninh nguồn nước là “Khả năng dân số có thể đảm bảo sự tiếp cận bền vững với lượng nước cần thiết và có chất lượng tốt để duy trì sinh kế, phúc lợi và phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đảm bảo sự bảo vệ, chống lại các vấn đề ô nhiễm và thiên tai liên quan đến nguồn nước, và nhằm bảo tồn hệ sinh thái trong điều kiện hòa bình và ổn định chính trị”.

Theo định nghĩa của Tổ chức đối tác về nước bền vững (The Sustainable Water Partnership) thì an ninh nguồn nước là “Khả năng thích ứng để bảo đảm sự bền vững về độ sẵn có, khả năng tiếp cận, việc sử dụng an toàn của nước một cách đầy đủ, đáng tin cậy và có khả năng phục hồi cả về chất lượng và số lượng, nhằm phục vụ cho sức khỏe, sinh kế, hệ sinh thái và nền kinh tế sản xuất”.

Vấn đề bảo đảm an ninh nguồn nước cho sinh hoạt của nhân dân trong thời gian qua ở các đô thị lớn và các khu vực tập trung dân cư đang bộc lộ rất nhiều bất cập như: nguồn nước khai thác không bảo đảm cả về số lượng, chất lượng do bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; chất lượng nước cấp đến người dân bị ô nhiễm, ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe và tâm lý của người dân do việc khai thác, xử lý, cấp nước chưa được quản lý chặt chẽ và chưa có các chính sách, chế tài để xử lý tổng thể các vấn đề trong việc cấp nước sinh hoạt (hiện nay mới chỉ được điều chỉnh bằng Nghị định và Thông tư).

Trong các năm 2013, 2016, 2020, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã thực hiện đánh giá an ninh nguồn nước cho các quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thông qua 5 khía cạnh, gồm: (1) An ninh nguồn nước hộ gia đình; (2) An ninh nguồn nước đô thị; (3) An ninh nguồn nước cho ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng); (4) An ninh nguồn nước cho môi trường; (5) Ứng phó với các thảm họa (hạn hán, thiếu nước, lũ lụt). Đối với Việt Nam, ADB đánh giá an ninh nguồn nước quốc gia của Việt Nam trong các năm 2013, 2016 và 2020 chỉ đạt mức bảo đảm 2/5 và ở mức thấp, trong khi đó ở Indonesia đạt mức 3/5, Hàn Quốc và Úc đạt 4/5.

Tháng 10 năm 2020, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội cũng đã chỉ ra 09 thách thức đối với an ninh nguồn nước: (1) thiếu nước, phân bố nước không đều theo không gian, thời gian; (2) tác động của biến đổi khí hậu; (3) ô nhiễm nguồn nước; (4) nguồn nước phụ thuộc lớn vào nước ngoài; (5) mâu thuẫn sử dụng nước trên lưu vực sông; (6) khả năng tiếp cận nước sạch an toàn chưa cao; (7) bảo vệ rừng, nguồn sinh thủy lưu vực sông; (8) hiệu quả sử dụng nước thấp; (9) vấn đề nguồn lực và cũng khẳng định việc bảo đảm an ninh nguồn nước là vấn đề hệ trọng có tính chiến lược trong phát triển của các quốc gia và ở Việt Nam và phải có giải pháp tổng thể và nguồn lực đủ mạnh cho vấn đề này.

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và trình Chính phủ Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia vào tháng 8 năm 2020, nội dung đề án đã đề xuất các giải pháp về tăng cường hoàn thiện, đổi mới thể chế, chính sách, cơ chế tài chính ngành nước và thực hiện các giải pháp công trình và phi công trình để nâng cao khả năng bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia. Tuy nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường thấy rằng, vấn đề bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia trong thời gian tới cần phải được xem xét, và quy định cụ thể trong Luật Tài nguyên nước, trong đó nghiên cứu, bổ sung và luật hóa các quy định về thể chế, bao hàm cả các nguyên tắc thực thi, ứng xử và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương một cách đồng bộ, tổng thể trong khai thác tài nguyên nước, trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung ứng nước sạch. Các nguyên tắc thực thi, ứng xử nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia theo đúng nghĩa là an ninh nguồn và an ninh nước cấp cho các mục đích sử dụng nước, an ninh nước cho môi trường. Các nguyên tắc, ứng xử không thay thế, chồng chéo các quy định trong đầu tư, quản lý sau đầu tư, quản lý công trình được quy định trong các luật có liên quan như Luật Xây dựng, Luật Thủy lợi,...

Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu giải pháp rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên vùng...

Đây là vấn đề rất quan trọng, cấp bách, cần phải được giải quyết đồng bộ và phải được luật hóa trong Luật Tài nguyên nước.

*b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:*

Thiếu khung pháp lý để bảo đảm việc thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả cho các ngành kinh tế sử dụng nước trong bối cảnh tài nguyên nước của nước ta đang phải chịu nhiều thách thức như: phụ thuộc lớn vào nước ngoài; phân bố nước không đều theo không gian, thời gian; tác động của biến đổi khí hậu; suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; mâu thuẫn sử dụng nước trên lưu vực sông; khả năng tiếp cận nước sạch an toàn chưa cao; hiệu quả sử dụng nước thấp,... làm tăng thách thức lớn đối với việc quản lý, bảo vệ tài nguyên nước nước dẫn đến mất an ninh nguồn nước.

Thiếu quy định về quản lý tài nguyên nước theo hướng quản lý tổng hợp, thống nhất; phân định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nguồn nước, hoạt động khai thác, sử dụng nước, hệ thống cấp nước, xử lý nước thải dẫn đến hiệu quả quản lý nước không cao; quy định việc điều hòa, phân bổ cấp cho các mục đích sử dụng nước là chưa rõ ràng, chồng chéo, hiệu quả thấp gây ra tình trạng lãng phí, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dẫn đến mất an ninh nguồn nước.

Thiếu khung pháp lý cho an ninh nguồn nước trong bối cảnh tài nguyên nước của nước ta đang phải chịu nhiều thách thức như: phụ thuộc lớn vào nước ngoài; phân bố nước không đều theo không gian, thời gian; tác động của biến đổi khí hậu; suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; mâu thuẫn sử dụng nước trên lưu vực sông; khả năng tiếp cận nước sạch an toàn chưa cao; hiệu quả sử dụng nước thấp,... Đặc biệt là vấn đề bảo đảm an ninh nước cho sinh hoạt đã và đang là vấn đề lớn cần phải có các cơ chế, chính sách đồng bộ để giải quyết, nâng cao tính chủ động về nguồn nước và bảo đảm an toàn cấp nước cho sinh hoạt và nhu cầu thiết yếu của nhân dân ở mức cao nhất trong mọi tình huống, nhất là đối với các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

*c) Nguyên nhân của vấn đề:*

Trong thời gian qua, chưa luật hóa được các quy định về thể chế, bao hàm cả các nguyên tắc thực thi, ứng xử và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương một cách đồng bộ, tổng thể để xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý tài nguyên nước.

Các nội dung liên quan đến an ninh nguồn nước còn được quy định trong nhiều văn bản luật Luật tài nguyên nước; Luật Phòng chống thiên tai, Luật Thủy lợi, Luật Điều chỉnh Luật Quy hoạch, Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Luật Phí và lệ phí, Luật Đất đai..., chưa tích hợp được các quy định về quản lý nước trong một bộ luật trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước dẫn đến sự chồng chéo trong quản lý, chưa phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nguồn nước, quản lý hoạt động khai thác, quản lý hệ thống cấp nước, xử lý nước thải,... dẫn đến trách nhiệm giữa các Bộ ngành về quản lý tài nguyên nước còn chồng chéo về nhiệm vụ quản lý, chưa phân định rõ thẩm quyền, bất cập trong phối hợp giữa các cơ quan. Một số vấn đề liên ngành còn thiếu khung pháp lý để giải quyết như quy hoạch cơ sở hạ tầng, phân bổ tài nguyên nước, quản lý dòng chảy, ô nhiễm nước; các thiên tai do nước, quy định còn thiếu như chưa có quy định về hiệu suất sử dụng nước, tái sử dụng nước thải; tài chính nước còn thiếu công cụ kiểm soát, đánh giá giá trị nước, cơ chế chính sách phù hợp thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế.

Việc thiếu phối hợp giữa các ngành dẫn đến những xung đột trong khai thác sử dụng nước, quản lý hệ thống cấp nước, xử lý nước thải làm gia tăng nguy cơ thiếu nước và ô nhiễm môi trường nước mặt. Còn mâu thuẫn về lợi ích liên quan đến tài nguyên nước như giữa công nghiệp với phát điện; giữa phát điện với cấp nước tưới; giữa phát điện với cấp nước cho hạ du, nước sinh hoạt, nước để đầy mặn cửa sông. Hoạt động khai thác, sử dụng nước thiếu hợp lý dẫn đến khai thác quá mức ở một số khu vực, lưu vực sông; ý thức về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả còn thấp,... Việc tiếp cận quản lý đa ngành đối với quản lý tài nguyên nước để đảm bảo an ninh nguồn nước vẫn một thách thức lớn.

**1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, đặc



biệt là bảo đảm an ninh nước cho sinh hoạt, hướng đến chỉ số bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- Chủ động nguồn nước trong mọi tình huống, tập trung phát triển nguồn nước, điều tiết nước, nâng cao hiệu quả sử dụng nước, vận hành có hiệu quả các công trình thủy lợi, thủy điện, nâng cao khả năng tích trữ nước, cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, nâng cao khả năng tiếp cận số lượng, chất lượng nước để duy trì sinh kế, đời sống con người, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước, phòng, chống thảm họa thiên tai liên quan đến nước, bảo tồn hệ sinh thái, đảm bảo quốc phòng và an ninh với chi phí hợp lý thông qua việc thực hiện đổi mới thể chế, chính sách có tính chất then chốt.

### ***1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

- ***Phương án 1:*** Giữ nguyên chính sách hiện tại, không bổ sung các quy định về bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia.

- ***Phương án 2:*** Bổ sung các quy định về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hướng tới bảo đảm an ninh nước cấp cho sinh hoạt.

- ***Phương án 3:*** Sửa đổi, bổ sung và luật hóa các quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao mức bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, an ninh nước cấp cho sinh hoạt.

### ***1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

#### ***1.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại***

##### ***a) Tác động về kinh tế, xã hội:***

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: không có tác động tích cực đến các cơ quan nhà nước do giữ nguyên quy định hiện hành.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tích cực đến các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: không có tác động đến tích cực đến người dân do giữ nguyên chính sách hiện tại.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: khó giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa các ngành, các địa phương trong sử dụng nước.

Quản lý khai thác và quản lý sử dụng nước không rõ ràng, nhiều trường hợp đang bị đánh đồng, chưa thống nhất quản lý nước từ “nguồn” tới “vòi”. Đây là vấn đề quan trọng, cấp bách, phải được giải quyết đồng bộ và cần phải được sửa đổi, bổ sung và luật hóa.

+ Đối với doanh nghiệp: bị ảnh hưởng trong việc khai thác các nguồn nước phục vụ các nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, du lịch, văn hóa, thể thao...

Chưa bảo đảm việc sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, hiệu quả tài nguyên nước, nhất là huy động nguồn nước của hệ thống các hồ chứa tham gia điều tiết dòng chảy cho hạ du,...

+ Đối với người dân:

Vấn đề bảo đảm an ninh nước cho sinh hoạt cho nhân dân trong thời gian qua ở các đô thị lớn và các khu vực tập trung dân cư đang bộc lộ rất nhiều bất cập như: nguồn nước khai thác không bảo đảm cả về số lượng, chất lượng do bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; chất lượng nước cấp đến người dân bị ô nhiễm, ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe và tâm lý của người dân do việc khai thác, xử lý, cấp nước chưa được quản lý chặt chẽ và chưa có các chính sách, chế tài để xử lý tổng thể các vấn đề trong việc cấp nước sinh hoạt (hiện nay mới chỉ được điều chỉnh bằng Nghị định và Thông tư).

Người dân không được bảo đảm về an ninh nguồn nước cho sinh hoạt, đặc biệt là trong các trường hợp khẩn cấp, thiếu nước, khan hiếm nước.

b) *Tác động về giới*: Do người dân nói chung không được bảo đảm về an ninh nguồn nước cho sinh hoạt nên cũng ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em gái.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

**1.4.2. Phương án 2: Bổ sung các quy định về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về sử dụng nước hợp lý, hướng tới bảo đảm an ninh nước cấp cho sinh hoạt.**

a) *Tác động về kinh tế, xã hội*:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: tạo được sự gắn kết, đồng thuận giữa các cơ quan nhà nước trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm trong các lĩnh vực, những ngành có sử dụng nước, qua đó nhằm hướng tới bảo đảm an ninh nước cấp cho sinh hoạt.

+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức:

Doanh nghiệp, tổ chức được phổ biến, tuyên truyền về giá trị, vai trò quan trọng của tài nguyên nước đối với phát triển kinh tế - xã hội; nước là nguyên liệu đầu vào không thể thay thế cho nhiều ngành sản xuất, nông nghiệp, giao thông thủy, du lịch... Từ đó thay đổi thói quen khai thác, sử dụng nước, điều chỉnh quy mô sử dụng nước cho phù hợp; cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước.

+ Đối với người dân:

Người dân được nâng cao nhận thức về giá trị, vai trò quan trọng của tài nguyên nước đối với đời sống, sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thúc đẩy ý thức sử dụng nước tiết kiệm, không lãng phí và bảo vệ tài nguyên nước.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

Phát sinh chi phí bổ sung các quy định về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương sẽ phải bố trí ngân sách để thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân thực hiện chính sách.

Ngoài ra, cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương sẽ phải đầu tư nguồn lực cho việc tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm.

+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức: phát sinh chi phí để tuyên truyền, phổ biến các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực đến người dân.

*b) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:* không phát sinh thủ tục hành chính do chỉ bổ sung quy định về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước của các cơ quan chức năng.

*d) Tác động tới hệ thống pháp luật:* Bổ sung các quy định về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hướng tới bảo đảm an ninh nguồn nước trong Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

***1.4.3. Phương án 3: Sửa đổi, bổ sung và luật hóa các quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao mức bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, an ninh nước cấp cho sinh hoạt***

*a) Tác động về kinh tế, xã hội:*

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước:

Với việc sửa đổi, bổ sung và luật hóa các chính sách liên quan đến bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, trong đó sẽ nghiên cứu, quy định các cơ chế, chính sách liên quan đến điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong điều kiện xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng đảm bảo sử dụng công bằng, hợp lý, hiệu quả; điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước theo hiệu quả sử dụng nước; công trình phát triển tài nguyên nước, bổ cập nước dưới đất, trữ nước mưa, sử dụng nước tiết kiệm để tăng cường tái tạo tài nguyên nước; quy định các cơ chế tài chính liên quan đến việc

huy động tham gia điều tiết, cấp nước cho các mục đích sử dụng của các hồ chứa trên các lưu vực (hiện nay cả nước có trên 7.000 hồ chứa thủy lợi và khoảng 800 hồ chứa thủy điện với tổng dung tích khoảng 70 tỷ m<sup>3</sup>); quy định các cơ chế, giải pháp công trình và phi công trình,... sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả ở tất cả các ngành, lĩnh vực và các địa phương, đặc biệt là bảo đảm an ninh nước cấp cho sinh hoạt.

Nhà nước quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, đặc biệt là đảm bảo an ninh nước cho sinh hoạt đối với nhân dân.

Nhà nước chủ động nguồn nước trong mọi tình huống, thúc đẩy việc sử dụng nước tiết kiệm, nâng cao mức bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia.

Tạo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quản lý, điều hành các nhiệm vụ liên quan đến quản lý tài nguyên nước.

+ Đối với doanh nghiệp:

Có nhiều sự lựa chọn đối với sản phẩm nước cấp, phù hợp với nhiều mục đích sử dụng khác nhau, giúp giảm giá thành nguyên liệu đầu vào, góp phần tăng giá trị cạnh tranh cho sản phẩm.

Góp phần khai thác tài nguyên nước đúng mục đích, khai thác, sử dụng nước đúng các quy định trong giấy phép nếu thuộc trường hợp đã được cấp phép; điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước theo hiệu quả sử dụng nước nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, không lãng phí, bảo đảm an ninh nguồn nước.

+ Đối với người dân:

Được nâng cao khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, an toàn cho người dân, được bảo đảm về an ninh nguồn nước cho sinh hoạt, được hưởng lợi, cuộc sống và mùa màng sẽ giảm được thiệt hại khi có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các địa phương trong quản lý tài nguyên nước.

Trong khi dân số ngày càng tăng, nguồn nước lại ngày càng giảm thì việc tìm đến một giải pháp tái xử lý, sử dụng nguồn nước ô nhiễm là một phương pháp cần thiết. Ngày nay chúng ta cũng đang dần từng bước trong việc phát triển những hệ thống xử lý và tái tạo nguồn nước ô nhiễm để phục vụ cho việc sinh hoạt. Trong tương lai rất có thể chúng ta sẽ có những thiết bị tái chế nước với hiệu quả cao và giá thành rẻ, nhưng trước mắt với việc sửa đổi, bổ sung và luật hóa các quy định về an ninh nguồn nước của cơ quan chức năng thì người dân sẽ được bảo đảm về an ninh nguồn nước, đặc biệt là cho mục đích sinh hoạt; sử dụng nước một cách phù hợp, tránh lãng phí và có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường, tránh làm ô nhiễm nguồn nước.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

Phát sinh nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian) cho việc sửa đổi, bổ sung, luật hóa các quy định của Luật Tài nguyên nước, các văn bản hướng dẫn thi

hành để quy định cụ thể, toàn diện về quản lý tài nguyên nước từ nguồn đến sử dụng; kinh phí phổ biến, tuyên truyền các văn bản được sửa đổi, bổ sung; thanh tra, xử lý vi phạm.

Chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung, luật hóa văn bản theo nội dung chính sách của phương án này, đồng thời ban hành mới hoặc sửa đổi quy định về xử lý vi phạm. Ước tính chi phí xây dựng Luật tối đa là 600 triệu đồng, xây dựng nghị định về xử phạt và nghị định hướng dẫn thi hành là 120 triệu đồng (60 triệu đồng x 2 văn bản) và thông tư hướng dẫn là 30 triệu đồng. Chi phí tối đa cho xây dựng văn bản là 750 triệu đồng nhưng tác động tích cực do việc sửa đổi, bổ sung và luật hóa các quy định sẽ mang lại lợi ích to lớn hơn nhiều như đã phân tích ở trên.

Ngoài ra, cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương cần đầu tư nguồn lực cho việc tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm.

+ Đối với doanh nghiệp: phát sinh chi phí để thực hiện các quy định được sửa đổi, bổ sung.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: không phát sinh thủ tục hành chính.

d) *Tác động tới hệ thống pháp luật*: Bổ sung các chính sách liên quan đến bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, trong đó sẽ nghiên cứu, quy định các cơ chế, chính sách liên quan đến điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong điều kiện xảy ra hạn hán, thiếu nước; công trình phát triển tài nguyên nước, bổ cập nước dưới đất, trữ nước mưa, sử dụng nước tiết kiệm để tăng cường tái tạo tài nguyên nước; điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước theo hiệu quả sử dụng nước; quy định các cơ chế tài chính liên quan đến việc huy động tham gia điều tiết, cấp nước cho các mục đích sử dụng của các hồ chứa trên các lưu vực.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị:

- Bổ sung giải thích từ ngữ *an ninh nguồn nước* và các từ ngữ có liên quan tại Điều 3. Giải thích từ ngữ trong Luật Tài nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật Tài nguyên nước về bảo đảm an ninh nguồn nước lồng ghép trong các quy định về chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ ngành về tài nguyên nước, quy định về khai thác, sử dụng, điều hòa, phân phối, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước.

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước, Nghị định xử phạt vi phạm hành chính.

### ***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Sau khi phân tích, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định chọn phương án 3, không lựa chọn phương án 1 và phương án 2.

Phương án 3 sẽ giúp giải quyết được vấn đề đang tồn tại, bất cập trong những năm qua và mang lại lợi ích và tác động tích cực nhiều hơn chi phí.

## **2. Chính sách 2: Xã hội hóa ngành nước**

Trên cơ sở phân tích thực tiễn, tính khả thi và các định hướng của Đảng, Nhà nước trong công tác quản lý tài nguyên nước, Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) hướng tới sửa đổi, bổ sung chính sách xã hội hóa ngành nước đối với các hoạt động phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác; xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; tuyên truyền, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước, cụ thể như sau:

### ***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

Hiện nay, nhu cầu về thông tin, dữ liệu là rất lớn, xu thế hướng tới xã hội hoá các công tác điều tra cơ bản, lập quy hoạch, quan trắc cũng như phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm. Việc thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực tài nguyên nước sẽ góp phần giảm áp lực cho Ngân sách nhà nước.

#### **a) Một số vấn đề:**

- Đối với xây dựng mạng lưới trạm quan trắc, quản lý, vận hành các mạng quan trắc tài nguyên nước ở trung ương và địa phương hiện nay đều do các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện. Do thiếu nguồn lực (nhân lực, tài chính) nên hiện nay mạng quan trắc tài nguyên nước của Trung ương hiện nay còn tương đối hạn chế, còn lại hầu hết các địa phương chưa xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương. Thông tin, dữ liệu, số liệu điều tra, đánh giá, quan trắc tài nguyên nước còn phân tán, chưa thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực nước và chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước, nhất là phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, công tác dự báo, thẩm định phục vụ cung cấp dịch vụ công ở cả cấp Trung ương và địa phương. Trong khi đó vấn đề này hoàn toàn có thể thực hiện việc xã hội hóa bằng cách Nhà nước xây dựng thể chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành mạng quan trắc và cơ quan quản lý nhà nước đặt hàng mua số liệu quan trắc tài nguyên nước của doanh nghiệp tư nhân nhằm giảm chi phí, nguồn lực của nhà nước, xã hội hóa việc xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác.

- Suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm các dòng sông, hồ, áo vắn đã và đang tiếp tục là vấn đề nổi cộm, thách thức trong quản lý tài nguyên nước. Nhiều dòng sông đang phải chịu tác động mạnh mẽ của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, mật độ dân số cao, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng trong khi hạ tầng kỹ thuật phát triển không đồng bộ.

Theo Báo cáo 238/BC-CP của Chính phủ gửi Quốc hội tháng 5/2020 về rà soát tình hình ô nhiễm môi trường nước tại một số dòng sông lớn và đề xuất giải pháp giảm thiểu, vấn đề suy thoái nguồn nước đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng tại một số đoạn sông trên lưu vực sông Cầu (sông Ngũ Huyện Khê), Nhuệ - Đáy, Hồng (hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải), Vu Gia - Thu Bồn,...

Đặc biệt trên hệ thống sông Nhuệ - Đáy, vấn đề suy thoái, ô nhiễm nguồn nước càng nặng nề, nghiêm trọng vì dòng chảy trên sông không đáp ứng được khả năng tự làm sạch chất ô nhiễm, đặc biệt là đối với sông Nhuệ do không được sông Hồng bổ cập nước thường xuyên. Sông Nhuệ có chiều dài 74km, dẫn nước sông Hồng từ cống Liên Mạc (Hà Nội) và đi vào Hà Nam từ phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, trên chiều dài 14,5km và gặp sông Đáy và sông Châu Giang tại thành phố Phủ Lý. Lưu lượng nước sông phụ thuộc vào chế độ đóng mở cống Liên Mạc. Sông Nhuệ làm nhiệm vụ tiêu thủy lợi, thoát nước chính của Hà Nội. Do tiếp nhận nước thải từ các sông Tô Lịch, Kim Ngưu và chảy qua một số khu vực làng nghề của Hà Nội, nên từ nhiều năm nay, nước sông Nhuệ thường xuyên bị ô nhiễm làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng nước.

Những năm gần đây, mức độ hạ thấp lòng dẫn sông Hồng đang ngày càng nghiêm trọng. Tài liệu khảo sát, đo đạc mặt cắt sông qua các năm cho thấy, sông Hồng và sông Đuống đều bị xói sâu. Sông Đuống cao độ đáy sông trong giai đoạn 2000 - 2014 hạ thấp từ 4-6m, trên sông Hồng tại vị trí Sơn Tây đáy sông hạ thấp tới 5m, khiến nhiều công trình lấy nước của Hà Nội như các trạm bơm Phù Sa, Ấp Bắc, Thanh Diềm, Đan Hoài,... các cống Liên Mạc, Cẩm Đình, Long Tửu, Xuân Quan không thể vận hành, hoặc hiệu suất vận hành rất thấp làm giảm năng lực hệ thống của công trình thủy lợi. Trước đây để duy trì mực nước trên toàn hệ thống bảo đảm các hệ thống lấy nước hoạt động bình thường thì cần duy trì dòng chảy về hạ du khoảng  $1.200\text{m}^3/\text{s}$  -  $1.500\text{m}^3/\text{s}$ , hiện nay, do lòng dẫn sông bị hạ thấp dẫn đến phải duy trì lưu lượng khoảng trên  $3.000\text{m}^3/\text{s}$  về hạ du thì mới đủ đầu nước để lấy nước vào các hệ thống thủy lợi phục vụ tưới, cấp nước.

Các nhà máy thủy điện: Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà đã phải xả nước gia tăng để đảm bảo mức nước ở Hà Nội, đảm bảo lấy nước sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy. Tuy nhiên, việc xả nước hồ thủy điện đang tạo ra áp lực cho địa phương trong việc bảo đảm an toàn, ổn định hệ thống chân kè sông Hồng, sông Đà,... Thực tế những năm qua, do xả nước (nhất là vào mùa lũ) nên mực nước sông Hồng lên nhanh và rút nhanh đã gây ra nhiều sự cố sạt lở bờ sông, chân kè,... Lượng cát khai thác ở hạ du đã lên đến gần hai chục triệu  $\text{m}^3/\text{năm}$ , gấp 4 lần lượng cát giữ lại trên hồ, gấp 3 lần lượng cát về hạ du hàng năm sau khi có hồ. Nguyên nhân chính dẫn đến hạ thấp mực nước, xói lòng sông Hồng là do tình hình khai thác cát không được kiểm soát.

*Luật TNN 2012 (khoản 4 Điều 27) quy định nguồn kinh phí để phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt do ngân sách Nhà nước bảo đảm.* Trên thực tế, để phục hồi những dòng sông đang bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm hiện nay, đòi hỏi phải kết hợp giữa biện pháp phi công trình và công trình, trong đó hạ tầng kỹ thuật công trình có vai trò chủ đạo. Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới (Hàn Quốc, Nhật Bản,...), để bảo đảm tính hiệu quả về mặt môi trường - kinh tế - xã hội, việc phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm không chỉ đơn thuần xem xét các vấn đề về cải thiện chất lượng nước, lưu thông dòng chảy mà còn phải kết hợp thống nhất với việc khôi phục, phát triển hệ sinh thái, hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo tính đa mục tiêu, đồng bộ với việc phát triển kinh tế - xã hội, không gian sống ven sông trên cơ sở phát huy tối đa giá trị tiềm năng của nguồn nước và các đối tượng ven sông... Do đó, các dự án phục hồi dòng sông bị ô nhiễm, cạn kiệt đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên liên quan, lộ trình, kế hoạch rõ ràng và nguồn kinh phí đầu tư lớn.

Với nhu cầu cấp thiết trong việc phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, trong những năm qua, một vài địa phương đã chủ động triển khai thực hiện những dự án có liên quan như Dự án “Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì” của Hà Nội với tổng mức đầu tư là **6.914** tỷ đồng<sup>1</sup>, Dự án vệ sinh môi trường Nhiêu Lộc – Thị Nghè của TP. Hồ Chí Minh với tổng mức đầu tư gần **8.600** tỷ đồng. Tuy nhiên, các dự án phục hồi dòng sông đã được triển khai mới chỉ mang tính thí điểm, số lượng là rất ít, gần như chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế với tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước hiện nay. Đồng thời, do phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách Nhà nước nên tiến độ của các dự án này cũng thường bị kéo dài, chậm trễ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án.

Nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ lưu vực sông nói riêng hiện chưa đáp ứng được nhu cầu; nhiều dự án, chương trình xử lý ô nhiễm, phục hồi môi trường tại các lưu vực sông chậm tiến độ. Nhu cầu đầu tư cho công tác bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo an ninh nguồn nước ngày càng cao; ngân sách Nhà nước đang ngày càng chịu áp lực lớn do suy thoái kinh tế vì đại dịch Covid. Trong khi đó, việc huy động nguồn lực thực hiện xã hội hóa, thu hút đầu tư chưa được thực hiện do chưa có quy định rõ ràng và cơ chế hiệu quả.

---

<sup>1</sup> Dự án Tiếp nước cải tạo, khôi phục sông Tích từ Lương Phú, xã Thuần Mỹ (huyện Ba Vì) được phê duyệt theo Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 6/10/2010 của UBND TP Hà Nội. Tổng mức đầu tư của dự án là 6.914.346 triệu đồng, được chia làm 3 giai đoạn thực hiện. Mục tiêu đầu tư của dự án là cấp nước tưới cho 16.000ha đất sản xuất nông nghiệp; cung cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; cải tạo môi trường sinh thái; đảm bảo tiêu thoát nước, phòng chống lũ cho lưu vực; xây dựng đường giao thông kết hợp hai bên bờ sông phục vụ giao thông; tạo điều kiện thuận lợi khai thác tiềm năng quỹ đất dọc hai bờ sông Tích phục vụ phát triển kinh tế xã hội phù hợp với quy hoạch phát triển không gian Thủ đô Hà Nội.



- Tình trạng sạt, lở bờ bãi sông đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng, diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng cả về phạm vi lẫn mức độ làm ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp trực tiếp đến tính mạng, tài sản của nhân dân. Theo số liệu thống kê, hiện khu vực ĐBSCL có 564 điểm sạt lở với tổng chiều dài trên 834 km. Trong đó, sạt lở bờ sông 512 điểm với tổng chiều dài khoảng 566km (chủ yếu diễn ra dọc theo sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và các nhánh chính của hệ thống kênh, rạch); sạt lở bờ biển 52 điểm với tổng chiều dài 268km. Trong khi đó các công trình khắc phục, xử lý các khu vực sạt lở; các công trình bảo vệ bờ sông, đặc biệt là các khu vực sạt lở nghiêm trọng, khẩn cấp đòi hỏi kinh phí lớn trong khi ngân sách Nhà nước cần có thời gian để xin kinh phí, huy động, khắc phục. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có cơ sở pháp lý cho chủ trương đề xuất xã hội hóa các hoạt động lòng, bờ, bãi sông, chính vì thế các địa phương không thể chủ động được nguồn vốn và kêu gọi, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia.

Diễn hình trong thời gian vừa qua, trước tình hình sạt lở lòng, bờ, bãi sông đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng trên tuyến Quốc lộ 91, đoạn qua xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, trong khi kinh phí Trung ương dự toán hỗ trợ 160 tỷ so với chi phí đề xuất gia cố mà Bộ Giao thông vận tải là khoảng 500 tỷ. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã có Công văn số 489/UBND-KTN ngày 08 tháng 5 năm 2020 gửi Thủ tướng Chính phủ đề xin chủ trương xã hội hóa chỉnh trị dòng chảy sông Hậu, bảo vệ Quốc lộ 91 khu vực xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (do khu vực đoạn sông này là nút thắt hẹp 300, so với đoạn thượng và hạ lưu 600m), cụ thể “Đơn vị thực hiện hiệu chỉnh chịu chi phí lập dự án chỉnh trị và chi phí đền bù đất bãi bồi bờ đối diện (ngoài phạm vi 30m đất do Nhà nước quản lý) và nạo vét, mở rộng dòng chảy, tận thu cát”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính đã có Văn bản 9743/BTC-ĐT ngày 13 tháng 8 năm 2020 cho ý kiến “chưa có cơ sở pháp lý” cho đề xuất này.

Bên cạnh đó, vùng đất ven sông có giá trị cao về môi trường, cảnh quan văn hóa, đặc biệt tại các khu đô thị lớn. Tình trạng lấn chiếm, sử dụng sai mục đích vùng đất ven sông đang diễn ra ngày càng gia tăng, xâm phạm đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước, đặc biệt diễn ra tại các khu đô thị lớn, đông dân cư như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, chỉnh trang, khôi phục cảnh quan, bảo vệ và phát triển vùng đất ven sông đang được triển khai trên cả nước.

Thời gian gần đây, Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai Đề án phát triển kè bờ sông và kinh tế dịch vụ ven sông Sài Gòn giai đoạn 2020 - 2045 với mục đích nhằm cải tạo, hoàn thiện không gian khu vực kè bờ sông, bảo tồn và phát huy giá trị môi trường tự nhiên, cảnh quan văn hóa và đặc trưng đô thị; đồng thời, từng bước xây dựng, kết nối hiệu quả để phát triển kinh tế dịch vụ ven sông. Tuy nhiên, theo Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm vụ quan trọng nhất là phải tìm được giải pháp thu hút các nguồn lực đầu tư tham gia để tạo nguồn lực thực hiện quy hoạch, khai thác được quỹ đất ven sông nhưng vẫn đảm bảo môi trường, không gian cảnh quan dọc sông.

Việc kêu gọi xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực xã hội là phù hợp, tuy nhiên do đặc trưng của nguồn nước, vùng đất ven sông, đặc biệt là khu vực hành lang bảo vệ nguồn nước là khu vực có chức năng bảo vệ sự ổn định của bờ, bãi sông, phòng chống ô nhiễm, tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước. Vì vậy việc xây dựng cơ sở pháp lý cho cơ chế xã hội hóa khu vực này phải được xây dựng trên các cơ sở tiêu chí riêng đảm bảo hài hòa yêu cầu bảo vệ nguồn nước và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân có liên quan. Tránh việc lạm dụng dẫn đến tình trạng lấn, chiếm, sử dụng sai mục đích khu vực này.

- Việc ban hành và thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông lớn có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm bảo đảm điều hòa, phân bổ nguồn nước cũng như sử dụng tổng hợp nguồn nước và phòng chống tác hại do nước gây ra. Tuy nhiên, để vận hành theo thời gian thực cần phải bổ sung rất nhiều nguồn lực đầu tư cho công tác quan trắc, dự báo trên các lưu vực sông. Vì vậy, việc kêu gọi các tổ chức, cá nhân đặc biệt là các chủ hồ chứa trong việc xây dựng và tham gia trong hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối nguồn nước, vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực là rất cần thiết.

- Hiện nay, trên cả nước đã có rất nhiều tỉnh ban hành quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất, trong đó có khoản định về hạn chế khai thác nước dưới đất do sự suy giảm mực nước dưới đất. Để đảm bảo công tác bảo vệ nguồn nước dưới đất, đảm bảo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các khu vực này được liên tục, hiệu quả thì việc nghiên cứu, bổ sung nhân tạo nước dưới đất cũng như các công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả là cần thiết.

Về vấn đề này, ngoài việc tuyên truyền, hỗ trợ nâng cao ý thức về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước, thì việc nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ cũng cần thiết thực hiện.

*b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:*

Hiện nay mạng quan trắc tài nguyên nước của Trung ương còn tương đối hạn chế, còn lại hầu hết các địa phương chưa xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương. Việc chỉ phụ thuộc nguồn lực nhà nước để thực hiện quan trắc tài nguyên nước mặc dù đạt được một số kết quả tích cực nhất định nhưng chưa thực sự hiệu quả, không đáp ứng được nhu cầu thực tế. Tình trạng thiếu thông tin, số liệu quan trắc các nguồn nước, số liệu điều tra cơ bản để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, phục vụ hỗ trợ ra quyết định; suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm các dòng sông đang là vấn đề nổi cộm, cần được giải quyết sớm và triệt để.

Hiện ngân sách Nhà nước đang phải ưu tiên cho việc khắc phục các thiệt hại kinh tế - xã hội của đất nước do đại dịch Covid, việc huy động nguồn vốn lớn đầu tư cho các dự án xây dựng các mạng lưới quan trắc tài nguyên nước sẽ là khó khả thi. Đồng thời, như đã đề cập trên, các dự án xây dựng mạng lưới quan trắc trên cơ sở nguồn lực nhà nước thường bị chậm trễ, kéo dài, dẫn đến giảm hiệu

quả. Nhìn chung, nếu không có giải pháp có tính đột phá về nguồn lực, việc triển khai thực hiện xây dựng đồng bộ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước sẽ gặp rất nhiều khó khăn dẫn tới thiếu số liệu quan trắc các nguồn nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, phục vụ hỗ trợ ra quyết định, đồng thời không huy động được các nguồn lực của xã hội tham gia hỗ trợ công tác quản lý nhà nước để giảm áp lực chi ngân sách.

*c) Nguyên nhân của vấn đề:*

Chính sách xã hội hoá chưa được thể hiện và quy định rõ trong Luật Tài nguyên nước năm 2012. Đối với việc quan trắc tài nguyên nước, xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, điều tra cơ bản tài nguyên nước thì Luật Tài nguyên nước năm 2012 (Điều 10, 12 và 28) quy định nguồn kinh phí triển khai do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Mặc dù chưa có định nghĩa có tính pháp lý về xã hội hoá, nhưng chủ trương khuyến khích xã hội hóa trong các dịch vụ công, các hoạt động bảo vệ môi trường đã được Đảng và Chính phủ nêu rõ từ lâu. Vấn đề xã hội hoá cũng đã được quy định trong một số văn bản QPPL, cụ thể:

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP;

- Thông tư số 135/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP;

- Thông tư 156/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC;

- Cao nhất và gần đây nhất, là Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2020.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế, chính sách minh bạch, rõ ràng để điều kiện thuận lợi, hấp dẫn khuyến khích các nguồn lực xã hội (nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ) của các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương như hoạt động quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; thăm định các dịch vụ công; các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy. Điều này dẫn đến việc thực thi các chính sách, pháp luật còn chậm, kém hiệu quả, hiệu lực, thiếu đồng bộ và gây áp lực rất lớn lên ngân sách nhà nước.

**2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Quy định chính sách xã hội hoá để tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động có liên quan; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc xã hội hoá các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi

trường; huy động các nguồn vốn, nguồn lực để bảo vệ tài nguyên nước, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

- Xây dựng được chính sách minh bạch, rõ ràng khuyến khích được các nhà đầu tư tham gia vào việc xã hội hóa;

- Tạo cơ chế, điều kiện thuận lợi, hấp dẫn các nhà đầu tư.

### **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**Phương án 1:** Giữ nguyên chính sách hiện tại.

**Phương án 2:** Sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng các hoạt động được lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ các nguồn hợp pháp khác như vốn xã hội hoá, vốn vay; đồng thời làm rõ cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động này ở Trung ương và địa phương.

**Phương án 3:** Xây dựng cơ chế, chính sách xã hội hóa hoạt động bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước.

### **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### **2.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại**

Việc xây dựng, quản lý, vận hành các mạng quan trắc tài nguyên nước ở Trung ương, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc của địa phương; các bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của mình.

Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước; Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

#### **a) Tác động về kinh tế, xã hội:**

- Về mặt tích cực:

- + Đối với Nhà nước: Không có mặt tích cực do chính sách được giữ nguyên, Nhà nước phải bố trí ngân sách và bố trí nhân lực để thực hiện nhiệm vụ trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm phục vụ công tác quản lý nhà nước, cộng đồng.

- + Đối với doanh nghiệp: Không có mặt tích cực do chính sách được giữ nguyên.
- + Đối với người dân: Không có tác động tích cực đến người dân.
- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Tạo áp lực lớn về nguồn lực do phải bố trí lượng lớn ngân sách và bố trí nhân lực để thực hiện nhiệm vụ quan trắc tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý nhà nước; thực hiện phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; thực hiện cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan sông, hồ; bảo vệ lòng bờ bãi sông, xây dựng, vận hành công trình điều hoà, điều tiết nguồn nước, trữ nước, vận hành quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hồ trợ ra quyết định; bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, truyền thông trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Ví dụ, Nhà nước không huy động được nguồn vốn, nguồn lực xã hội cho các dự án phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm cần thiết, mà phải cân đối, phân bổ ngân sách hàng nghìn tỷ đồng cho các dự án phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt (VD dự án Tiếp nước, khôi phục sông Tích - Hà Nội khoảng 7.000 tỷ, dự án phục hồi kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè gần 8.600 tỷ...). Dẫn đến áp lực ngân sách Nhà nước cho hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, đây là yếu tố rất bất lợi cho Nhà nước trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước cần ưu tiên nguồn vốn cho các hoạt động phục hồi kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong khi đó, việc thực hiện, triển khai các hoạt động, giải pháp phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm đòi hỏi sự tham gia của nhiều cơ quan quản lý, các bên liên quan, Nhà nước sẽ mất nhiều nguồn lực (thời gian, nhân lực, kinh phí) để triển khai các hoạt động này.

+ Đối với doanh nghiệp: Thiếu cơ hội đầu tư hỗ trợ nhà nước trong công tác quản lý, đồng thời làm giảm hiệu quả vận hành của nền kinh tế thị trường, không phát huy hiệu quả của thành phần kinh tế tư nhân.

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đang khai thác, sử dụng nước bị ảnh hưởng vì nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm phải bỏ kinh phí, nguồn lực đầu tư khắc phục tình hình.

+ Đối với người dân: Một số hoạt động như quan trắc, nghiên cứu khoa học không có tác động trực tiếp đến người dân.

Tuy nhiên, với các cộng đồng dân cư sống ven sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, việc tiếp tục phải sống trong điều kiện môi trường ô nhiễm sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống văn hoá tinh thần, từ đó gián tiếp ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội, phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư. Người dân không được tiếp cận đến một môi trường trong, xanh, sạch đẹp do các dự án về phục hồi nguồn nước, tạo cảnh quan mang lại.

Người dân tại các khu vực bị sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở đối diện với tình trạng có thể mất đất, do chậm triển khai các biện pháp bảo vệ đối với các vùng có nguy cơ sạt lở lòng, bờ bãi sông.

Người dân khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất có nguy cơ không được tiếp cận đủ nguồn nước sạch do chưa triển khai các biện pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất để đảm bảo mực nước động trong khu vực khai thác, trữ lượng khai thác của vùng hạn chế.

Đồng thời, người dân không được tiếp cận được các thông tin về công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, vai trò, giá trị của tài nguyên nước do các phương tiện truyền thông, giáo dục mang lại nên không nâng cao được ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ tài nguyên nước.

*b) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:* Phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

*d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

**2.4.2. Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng các hoạt động được lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ các nguồn hợp pháp khác như vốn xã hội hoá, vốn vay; đồng thời làm rõ cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động này ở Trung ương và địa phương.**

Sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng việc xây dựng, quản lý, vận hành các mạng quan trắc tài nguyên nước, xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước; Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước được lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ các nguồn hợp pháp khác như vốn xã hội hoá, vốn vay; đồng thời làm rõ cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động này ở Trung ương và địa phương.

*a) Tác động về kinh tế:*

- Tác động tích cực:

Việc ban hành hướng dẫn đối với chính sách xã hội hóa giúp tạo hành lang pháp lý cho các các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng giúp giảm gánh nặng lên ngân sách Nhà nước.

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đầy đủ cơ chế pháp lý để có cơ hội và lợi ích kinh tế khi tham gia vào hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành các

mạng quan trắc tài nguyên nước, xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước; Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

Mặc dù về cơ bản tổng kinh phí Nhà nước phải bỏ ra là không đổi do phương án này giữ nguyên quy định hiện hành là nguồn kinh phí lấy từ ngân sách Nhà nước. Việc phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt trong việc đầu tư triển khai đồng bộ các hạng mục công trình sẽ bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí và do đó sẽ có tác động tích cực nhất định đối với Nhà nước về mặt kinh tế.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Theo phương án này, cũng giống như phương án 1 nêu trên, nguồn kinh phí vẫn chỉ huy động từ nguồn ngân sách Nhà nước; do đó Nhà nước vẫn phải cân đối, phân bổ ngân sách ***hàng chục nghìn tỷ đồng*** cho các dự án xây dựng, quản lý, vận hành các mạng quan trắc tài nguyên nước, xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

Ngoài ra, các Bộ, ngành, địa phương sẽ phải mất nhiều nguồn lực (kinh phí, con người, thời gian) để thực hiện xây dựng, phê duyệt, thực hiện dự án. Đặc biệt, nếu không có cơ chế phối hợp chặt chẽ, phù hợp và trách nhiệm thực thi cao từ các bên (là một trong những tồn tại, bất cập hiện nay trong công tác quản lý), rất dễ xảy ra tình trạng kéo dài, không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của các Bộ, ngành, địa phương.

Do nguồn vốn phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách Nhà nước nên thời gian triển khai thường bị chậm. Trong khoảng thời gian này, các cơ quan chuyên môn về quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường vẫn phải mất thời gian, nguồn lực xử lý các đơn thư phản ánh, khiếu kiện của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và người dân.

+ Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân:

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân muốn tham gia vào các dự án xây dựng, quản lý, vận hành các mạng quan trắc tài nguyên nước, xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước không có cơ hội được đầu tư và hưởng các cơ chế ưu đãi nếu có (bao gồm các ưu đãi, hỗ trợ về kinh tế) trong các hoạt động này.

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư vẫn bị ảnh hưởng và gián tiếp chịu tác động tiêu cực về mặt kinh tế do vấn đề cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước chậm được xử lý; sạt lở lòng bờ bãi sông, vận hành quy trình liên hồ chứa không theo thời gian thực, tiếp cận các giải pháp, công nghệ trong sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tuần hoàn, tái sử dụng nước,...

*b) Tác động về xã hội*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Phương án này tăng cường sự gắn kết, đồng thuận giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc phối kết hợp để giải quyết các vấn đề cạn kiệt, ô nhiễm. Sự đồng bộ triển khai các hạng mục sẽ giúp dự án nhanh chóng đạt mục tiêu và hiệu quả. Từ đó tăng uy tín của các cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương, địa phương.

+ Đối với người dân: Mức độ hài lòng và chất lượng đời sống xã hội của người dân được nâng lên khi vấn đề suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước được giải quyết.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Như đã nêu trên, phương án này có sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, nhưng nguồn vốn vẫn phải trông chờ, phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng và phân bổ của ngân sách Nhà nước (Trung ương và địa phương). Do đó, nhiều khả năng cao các giải pháp đề xuất thực hiện vẫn sẽ bị chậm trễ, kéo dài, không được thực hiện; thậm chí không thực hiện được (ví dụ như giải quyết vấn đề ô nhiễm của hệ thống Bắc Hưng Hải hiện nay). Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến niềm tin của người dân và uy tín của các cơ quan quản lý nhà nước. Mất thời gian và nguồn lực xây dựng hướng dẫn đối với chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình, khôi phục, bảo vệ cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy, xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước.



+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư: Các dự án phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách Nhà nước nên thường chậm trễ, tiến hành lâu. Trong khoảng thời gian này, bức xúc của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng; số lượng đơn thư phản ánh về việc chất lượng môi trường sống bị suy giảm vẫn còn. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân muốn tham gia vào hoạt động này nhưng không có cơ chế đầu tư và ưu đãi.

+ Đối với người dân: đối mặt với nguy cơ sạt lở lòng, bờ bãi sông do chậm triển khai các biện pháp bảo vệ; vùng dân ven sông không được bảo vệ và không thụ hưởng được các giá trị về môi trường, cảnh quan ... mà các khu vực này mang lại.

c) *Tác động về giới*: Quy định, chính sách hiện hành không có tác động về giới do không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

e) *Tác động về thủ tục hành chính*: Phương án này không có tác động về thủ tục hành chính.

g) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Việc giữ nguyên quy định pháp luật hiện hành không tác động đối với hệ thống pháp luật.

### **2.4.3. Phương án 3: Xây dựng cơ chế, chính sách xã hội hóa hoạt động bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước**

Xây dựng cơ chế, chính sách theo hướng minh bạch, rõ ràng, thủ tục đơn giản, thuận lợi, ít tính rủi ro và có lợi nhuận hấp dẫn nhằm khuyến khích các nhà đầu tư tham gia vào việc xã hội hóa hoạt động phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác; xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

Tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa được ưu tiên tham gia cung cấp các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật; được bảo đảm trong cung cấp các dịch vụ công về tài nguyên nước, quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công, quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác liên quan.

a) *Tác động về kinh tế - xã hội:*

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Việc quy định nguồn kinh phí cho hoạt động phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác; xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước có thể được huy động từ nguồn vốn xã hội hoá, vốn vay sẽ giúp ngân sách Nhà nước **tiết kiệm được kinh phí với hàng nghìn tỷ đồng** so với phương án 1 và 2 nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu đối với công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ ra quyết định.

+ Đối với doanh nghiệp: Làm tăng cơ hội đầu tư, sinh lợi của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào các dự án/ hoạt động được hưởng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ khi thực hiện dự án và các lợi ích kinh tế lâu dài khi dự án hoàn thành. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước được hưởng lợi khi nguồn nước được cải thiện cả về số lượng lẫn chất lượng.

+ Đối với người dân: Với các cộng đồng dân cư sống ven sông, việc môi trường sống được cải thiện, tình trạng cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước được giải quyết sớm và hiệu quả sẽ nâng cao sức khỏe, đời sống văn hoá tinh thần, từ đó có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội, phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư. Trên thực tế, đối với nhiều trường hợp khi dòng sông được cải thiện và trong lành, cộng đồng dân cư sống ven sông cũng có nhiều điều kiện cải thiện điều kiện kinh tế khi tham gia các dịch vụ du lịch, giải trí ven sông.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước phải xây dựng được chính sách minh bạch, rõ ràng, công bằng và chính sách phải thu hút sự tham gia của doanh nghiệp. Trong quá trình triển khai thực hiện có thể phát sinh những tiêu cực cần phải rà soát, điều chỉnh chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào các dự án/hoạt động này sẽ mất nguồn lực (thời gian, nhân lực, nguồn vốn đầu tư) tuy nhiên vẫn trong giới hạn được đảm bảo.

+ Đối với người dân: Không có tác động đến người dân.

b) *Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Uy tín Nhà nước được nâng cao khi các dòng sông

được cải thiện và phục hồi. Các mục tiêu đảm bảo an ninh nguồn nước, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững từng bước được thực hiện.

Ngoài ra, Nhà nước (Bộ TNMT, Sở TNMT và các Bộ, sở, ngành liên quan) không phải mất thời gian, nguồn lực xử lý các đơn thư phản ánh của các tổ chức, cộng đồng dân cư về vấn đề suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

+ Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có cơ hội thể hiện vai trò, trách nhiệm xã hội và nâng cao thương hiệu trong các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, môi trường.

+ Đối với người dân: Mức độ hài lòng và chất lượng đời sống xã hội của cộng đồng dân cư được nâng cao. Hình thành sự gắn kết cao, đồng thuận giữa các bên liên quan, giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

- Tác động tiêu cực:

Phương án này không gây tác động về mặt xã hội đối với Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư sống ven sông.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:* Phương án này có phát sinh thêm thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp là thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước.

*d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Với phương án này, Luật Tài nguyên nước cần sửa đổi, bổ sung theo hướng:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về xã hội hoá đối với các hoạt động phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác; xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước; xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước trong quy định về chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xã hội hoá của Luật Tài nguyên nước theo hướng quy định nguồn kinh phí cho các hoạt động này sẽ được bố trí từ ngân sách Nhà nước và các huy động từ các nguồn hợp pháp khác như nguồn vốn xã hội hoá, vốn vay... Đồng thời, bổ sung quy định về cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động này.

Ngoài ra, Luật PPP năm 2020 cũng cần được sửa đổi, bổ sung: bổ sung các hoạt động này vào khoản 1 Điều 4 (các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP) để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất về pháp luật.

### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Với các phân tích nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; đặc biệt, phương án này thể chế hóa được một số chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ trong giai đoạn hiện nay như huy động tối đa các nguồn vốn, nguồn lực để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, giảm bớt gánh nặng lớn (*hàng nghìn tỷ đồng*) cho ngân sách Nhà nước.

## **3. Chính sách 3: Tài chính về tài nguyên nước**

### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Tài nguyên nước được nhìn nhận là một loại tài nguyên đóng vai trò vô cùng quan trọng và thiết yếu trong sản xuất và đời sống dân sinh. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của đa phần trong xã hội hiện nay tài nguyên nước tương đối dồi dào và thường bị đánh giá thấp về mặt giá trị kinh tế.

Tài nguyên nước đang phải đối mặt với nhiều thách thức như: suy giảm, cạn kiệt và ô nhiễm đã và đang xảy ra ở nhiều nơi; tình trạng lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng, triều cường, sạt lở bờ biển ngày càng trầm trọng... bên cạnh đó, vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, tăng dân số, làm phát sinh những mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và đang đứng trước nguy cơ suy thoái, cạn kiệt do tác động của biến đổi khí hậu và gia tăng khai thác, sử dụng nước ở quốc gia ở thượng nguồn. Do đó, việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; cũng như nhận thức đúng, đầy đủ, chân thực các giá trị trong đó có giá trị kinh tế của tài nguyên nước có ý nghĩa quan trọng đối với Cơ quan quản lý nhà nước, đối tượng khai thác sử dụng, người dân cũng như toàn xã hội.

Do đó, cần sớm xác định nội dung và định hướng cụ thể trong Luật để làm rõ hơn các nội dung kinh tế trong tài nguyên nước: công cụ thuế phí, tiền cấp quyền, các loại hình dịch vụ, hạch toán tài nguyên nước, ưu đãi đối với hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước và đa dạng hóa các nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước.

**Vấn đề 1:** Hiện nay, đối với tài nguyên nước, các đối tượng khai thác sử dụng tài nguyên nước phải nộp thuế về tài nguyên nước theo quy định của Thuế tài nguyên. Giá tính thuế tài nguyên được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, giá đối với tài nguyên khác mà chưa xem xét các vấn đề, thách thức mà tài nguyên nước đã và đang đối mặt.

Bên cạnh đó, một số loại hàng hóa ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường (nước) thì phải nộp Thuế bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, hiện nay có một số loại hàng hóa như thuốc bảo vệ thực vật, được sử dụng khá phổ biến trong sản xuất nông nghiệp và bị đánh giá là gây ô nhiễm cho môi trường nước nhưng lại chưa được quy định là đối tượng phải chịu Thuế bảo vệ môi trường.

Trước đây, việc cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước cho các đối tượng có nhu cầu là miễn phí, để góp phần thu về NSNN đối với những đầu tư mà nhà nước đã và đang đầu tư cho lĩnh vực nên đề xuất Phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên nước; thẩm định, kiểm định kết quả các hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước để bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước quản lý, vận hành và các dịch vụ công khác theo quy định của pháp luật.

**Vấn đề 2:** Chính phủ quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Nghị định số 82/2017/NĐ-CP và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP bổ sung một số điều của Nghị định 82, thực hiện từ 01/9/2017, giai đoạn đầu triển khai chính sách mới Chính phủ chưa quy định hai đối tượng này phải kê khai tính tiền cấp quyền. Tuy nhiên sau 5 năm triển khai Nghị định, để tăng cường việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả thì nên đưa hai đối tượng này vào đối tượng phải kê khai và nộp tiền cấp quyền.

**Vấn đề 3:** Việc khai thác quá mức nguồn nước và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đã gây ra nhiều vấn đề suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, trữ lượng nước dưới đất sụt giảm nghiêm trọng. Trong khi đó, với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước ngày càng gia tăng. Để đảm bảo nhu cầu khai thác trong hiện tại và tương lai, song song với quá trình khai thác và sử dụng cần có biện pháp bảo vệ, phục hồi, và phát triển nguồn nước. Do đó, sẽ bổ sung các loại hình dịch vụ cho công tác này, để các thành phần trong xã hội được tham gia, nhằm chia sẻ một phần gánh nặng cho NSNN, thông qua đó cũng truyền thông đến các đối tượng việc KTSD nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ, phục hồi và phát triển nguồn nước.

**Vấn đề 4:** Tài nguyên nước tham gia đóng góp cho rất nhiều ngành kinh tế khác như công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp, giao thông...nhưng lại chưa được phản ánh và ghi nhận đầy đủ. Hạch toán tài nguyên nước là vấn đề còn mới ở Việt Nam, nhưng trên thế giới việc hạch toán tài nguyên nói chung, tài nguyên nước nói riêng là rất phổ biến trong công tác quản lý, cũng như việc xác định giá trị của loại tài nguyên này trong các hoạt động kinh tế.

**Vấn đề 5:** Ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước và Nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước. Để giảm tải chi tiêu công cho NSNN, cũng như khuyến khích các hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước được đầu tư kịp thời đảm bảo cho TNN thực hiện đầy đủ các chức năng vốn có, việc khuyến khích các đối tượng, tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia vào công tác động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước.

*b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:*

Việc quy định thiếu/chưa đầy đủ đối tượng chịu Thuế bảo vệ môi trường sẽ gây thất thoát cho NSNN và không công bằng giữa đối tượng chịu Thuế bảo vệ môi trường với nhau.

Giá tính thuế tài nguyên nếu chưa được quy định thêm mục đích sử dụng, mức độ khan hiếm, mức độ căng thẳng của tài nguyên nước, điều kiện khai thác

và đặc điểm kinh tế, xã hội trong khu vực làm căn cứ để xác định giá tính thuế thì chưa phản ánh đủ các vấn đề mà tài nguyên nước của vùng, địa phương đó đang gặp phải. Những nội dung này phải được ghi nhận trong giá tính thuế để đảm bảo sự công bằng trong KTSD nước giữa các địa phương có mức độ khan hiếm nước, căng thẳng trong KTSD khác nhau.

Các nội dung về phí, tiền cấp quyền, hạch toán tài nguyên nước là một trong những công cụ kinh tế, phản ánh một phần giá trị của tài nguyên nước vào các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước của các chủ thể. Thông qua đó, các chủ thể có ý thức hơn về việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên do phải trả chi phí cho các hoạt động này hoặc ghi nhận được giá trị của tài nguyên trong sản xuất (hạch toán tài nguyên nước). Nếu không được quy định, việc này dẫn đến các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp chưa tính toán đủ giá thành sản phẩm (một phần do chưa tính đúng, tính đủ giá trị của nước kết cấu trong sản phẩm) dẫn đến “bán rẻ hoặc cho không”, không phản ánh đúng chi phí bỏ ra, làm triệt tiêu động lực sử dụng các biện pháp tiết kiệm tài nguyên.

Dịch vụ, ưu đãi và đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước nếu không quy định và tạo hành lang pháp lý đầy đủ sẽ không kêu gọi được các nhà đầu tư ở các thành phần kinh tế tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên nước, gây lãng phí tài nguyên và gia tăng chi tiêu công, tạo áp lực và gánh nặng cho NSNN.

*c) Nguyên nhân của vấn đề:* Chưa có khung pháp lý quy định cụ thể về nội dung các nội dung trên nên chưa tạo được cơ sở pháp lý để triển khai

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Tạo công bằng giữa các đối tượng chịu Thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa, dịch vụ gây tác hại đến môi trường nước.

- Giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên nước được xác định đầy đủ theo pháp luật về Thuế, giá và yếu tố tác động ảnh hưởng riêng đến tài nguyên nước.

- Giá trị của tài nguyên nước được ghi nhận, phản ánh trong các ngành kinh tế có liên quan;

- Đảm bảo các điều kiện để dịch vụ, ưu đãi và đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước được triển khai thuận lợi;

- Đảm bảo tránh thất thu ngân sách Nhà nước;

- Đảm bảo các quy định, yêu cầu phải rõ ràng, minh bạch.

### **3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**Phương án 1:** giữ nguyên chính sách hiện tại

**Phương án 2:** trên cơ sở các quy định hiện hành, bổ sung quy định cụ thể liên quan về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; sửa đổi các quy định cụ thể, rõ ràng hơn các chính sách ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

**Phương án 3:** bổ sung quy định sung quy định về thuế phí, tiền cấp quyền, các loại hình dịch vụ, hạch toán tài nguyên nước, ưu đãi đối với hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước và đa dạng hóa các nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước.

### **3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### **3.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại**

##### *a) Tác động về kinh tế:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại thì không phải thực hiện việc điều chỉnh sửa đổi chính sách liên quan.

+ Đối với doanh nghiệp: không có cơ hội tham gia vào các hoạt động đầu tư cho tài nguyên nước, không được hưởng lợi nhuận từ hoạt động này cũng như các ưu đãi khi tham gia.

+ Đối với người dân: giá nước sinh hoạt vẫn như trước đây do chưa phải nộp tiền cấp quyền.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại đồng nghĩa với việc chưa có quy định mới bổ sung nên không có quy định để thực hiện tăng thu cho NSNN.

+ Đối với doanh nghiệp: chưa có quy định nên dẫn tới việc tính toán chi phí sản xuất còn thiếu chi phí liên quan về khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, hạch toán giá thành sản phẩm chưa đủ, không tạo động lực sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

+ Đối với người dân: Không có động lực sử dụng nước tiết kiệm do giá nước chưa phải tính tiền cấp quyền.

##### *b) Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: không tạo được tác động tích cực khi không thay đổi chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp: doanh nghiệp không phải tiếp cận, tìm hiểu với các quy định mới.

+ Đối với người dân: không có tác động tích cực.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có quy định mới nên không nâng cao được vai trò hiệu quả trong quy định pháp luật, không khai thác được các nguồn thu mới cho NSNN.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có động lực thay đổi hành vi khai thác sử dụng nước.

+ Đối với người dân: không ảnh hưởng đến người dân.

c) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: phương án này không tác động tới bộ máy nhà nước. Giữ nguyên quy định hiện tại, không ảnh hưởng tới các hệ thống pháp luật khác.

**3.4.2. Phương án 2: Bổ sung quy định cụ thể liên quan về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; sửa đổi các quy định cụ thể và rõ ràng hơn các chính sách ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.**

a) *Tác động về kinh tế*:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: ban hành được chính sách quy định về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; các quy định cụ thể và rõ ràng hơn các chính sách ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, nâng cao vai trò hiệu lực của pháp luật trong sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả bền vững. Có quy định mới làm cơ sở hình thành khung pháp lý giúp triển khai áp dụng thực tế, yêu cầu các đơn vị, doanh nghiệp có khai thác sử dụng tài nguyên nước sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp: tăng chi phí đầu tư ban đầu cho các thiết bị công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, nhưng mang lại giá trị kinh tế, tăng doanh thu lâu dài khi áp dụng các quy định về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (như sử dụng nước tuần hoàn, thiết bị tiết kiệm nước hơn, tái sử dụng nước thải) giúp các doanh nghiệp tiết kiệm nhiều chi phí từ việc áp dụng các công nghệ biện pháp tiết kiệm nước (giảm tiền điện bơm nước hàng ngày, giảm thời lượng sử dụng một vài thiết bị khác liên quan đến nước), giúp tăng doanh thu. Viện nghiên cứu kỹ thuật ngành khách sạn của Úc AIHE (Australian Institute of Hotel Engineers) đã ước lượng rằng: Thông thường một khách sạn 300 phòng sử dụng 225.000 lít nước mỗi ngày, tính ra tương đương mỗi phòng sử dụng 750 lít một ngày. Việc sử dụng nước trong một ngày của một khách sạn 300 phòng tiêu biểu trên có thể so sánh với 1,3 lượng nước của một hồ bơi đầy nước chuẩn thi đấu Olympic. Hoặc tính trong một năm thì tương đương với 483 hồ nước chuẩn Olympic. Như vậy, tiết kiệm nước trong ngành lưu trú sẽ góp phần lớn trong việc bảo vệ nguồn nước và môi trường.

+ Đối với người dân: người dân được mua sản phẩm của doanh nghiệp với giá thành ưu đãi khi được áp dụng các công nghệ tiết kiệm nước.

- Tác động tiêu cực:



+ Đối với nhà nước: Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này.

+ Đối với doanh nghiệp: tăng chi phí ban đầu đầu tư áp dụng công nghệ tiết kiệm nước dẫn tới tăng chi phí giá thành. Ngoài ra khi áp dụng thay đổi công nghệ mới tiết kiệm nước phải thay thế các thiết bị máy móc, công nghệ hiện đang sử dụng, gây tốn kém đáng kể.

+ Đối với người dân: tăng chi phí khi mua sản phẩm do doanh nghiệp tăng chi phí khi áp dụng đầu tư áp dụng công nghệ tiết kiệm nước.

*b) Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: đưa chính sách vào cuộc sống giúp các doanh nghiệp nâng cao ý thức trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, uy tín trong công tác quản lý được nâng cao một bước.

+ Đối với doanh nghiệp: nâng cao nhận thức về giá trị sử dụng nước trong kinh doanh sản xuất, từ đó nâng cao nhận thức sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả.

+ Đối với người dân: tăng chất lượng sống của người dân khi được sử dụng sản phẩm có giá thành cao và chất lượng tốt hơn, đồng thời nâng cao nhận thức về tiết kiệm sử dụng nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Bị ảnh hưởng đến uy tín vì không giải quyết được các vấn đề về quản lý khai thác sử dụng nước tiết kiệm gây lãng phí tài nguyên: không tận dụng được các loại tài nguyên.

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới, tốn kém đầu tư trong việc thay đổi mô hình công nghệ, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ không tuân thủ trong việc thay đổi công nghệ vì tốn kém trong đầu tư, thay đổi hoàn toàn công nghệ mới cho công nghệ cũ đang sử dụng.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến mỗi giới do các quy định về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, chính sách về ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và chính sách sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả sẽ làm phát sinh sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan đến sử dụng nước tiết kiệm của các ngành.

**3.4.3. Phương án 3: Bổ sung quy định về thuế tài nguyên liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, một số loại phí đối với các hoạt động xã hội hóa trong**

***lĩnh vực tài nguyên nước, các loại hình dịch vụ tài nguyên nước và vấn đề hạch toán tài nguyên nước.***

*a) Tác động về kinh tế:*

**\* Tác động tích cực:**

- Đối với Nhà nước: Nâng cao vai trò của nhà nước trong việc tạo môi trường, hành lang pháp lý đầy đủ. Ban hành được chính sách để toàn dân thực hiện, đồng bộ trong các quy định, đảm bảo tính đúng, tính đủ, không thất thu ngân sách. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

+ Đối với doanh nghiệp: có cơ hội tham gia vào các hoạt động đầu tư cho tài nguyên nước, được hưởng lợi nhuận từ hoạt động này cũng như các ưu đãi khi tham gia.

+ Đối với người dân: nhận thức tầm quan trọng của tài nguyên nước từ đó sử dụng nước tiết kiệm hơn, có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên nước. Tham gia vào các dự án, dịch vụ hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước thông qua các Quỹ hay trái phiếu Xanh.

**- Tác động tiêu cực:**

+ Đối với nhà nước: Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này, đồng thời ban hành mới hoặc sửa đổi quy định về xử lý vi phạm. Ước tính chi phí xây dựng Luật tối đa là 600 triệu đồng, xây dựng nghị định về xử phạt và nghị định hướng dẫn thi hành là 120 triệu đồng (60 triệu đồng x 2 văn bản) và thông tư hướng dẫn 30 triệu đồng. Chi phí tối đa cho xây dựng văn bản là 750 triệu đồng.

Cơ quan chức năng ở cấp Trung ương sẽ phải bố trí nguồn lực để nghiên cứu, ban hành quy định hướng dẫn.

Cơ quan chức năng cấp Trung ương và địa phương sẽ phải bố trí ngân sách để thực hiện hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân thực hiện chính sách.

Nhà nước cần đầu tư nguồn lực cho việc tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm.

+ Đối với doanh nghiệp: tìm hiểu về cơ chế, chính sách mới để thực hiện

+ Đối với người dân: sẽ phải trả thêm chi phí nước sinh hoạt hàng tháng, giá thực phẩm do phát sinh tiền cấp quyền cho hoạt động chăn nuôi gia cầm.

*b) Tác động về xã hội:*

**- Tác động tích cực:**

+ Đối với Nhà nước: đưa chính sách vào cuộc sống giúp toàn xã hội nâng cao ý thức trong việc hiểu và xác định đúng giá trị của tài nguyên nước. Kiểm soát tốt hơn việc khai thác sử dụng nước qua đó giúp bình ổn xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp: Tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội đối với các dịch vụ hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước; nâng cao nhận thức về giá trị sử dụng nước trong kinh doanh sản xuất, từ đó nâng cao nhận thức sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả. Doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ tiết kiệm nước, công nghệ tiên tiến có lợi thế cạnh tranh hơn các doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp có cơ hội đổi mới, phát triển và ứng dụng công nghệ tiết kiệm nước thân thiện môi trường.

+ Đối với người dân: tăng chất lượng sống do tài nguyên được bảo vệ tốt hơn, nâng cao nhận thức về tiết kiệm sử dụng nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có tác động tiêu cực

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới. Nâng cao năng lực cho cán bộ đối với ngành nghề mới nếu doanh nghiệp không phải đang hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực liên quan.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực

c) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến mỗi giới do các quy định này.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về công cụ kinh tế, nguồn lực về tài nguyên nước theo hướng quy định nguồn lực, dịch vụ liên quan cho bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước; chính sách thuế, phí tài nguyên nước; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về tài chính về tài nguyên nước sẽ làm phát sinh sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan về Giá tính thuế tài nguyên, Thuế bảo vệ môi trường. Tuy nhiên hiện nay, Bộ Tài chính hiện nay cũng đang lấy ý kiến để sửa đổi Luật thuế tài nguyên và Luật Thuế bảo vệ môi trường nên đây cũng là điều kiện thuận lợi để hệ thống pháp luật được hoàn chỉnh, thống nhất và thuận lợi khi triển khai.

### **3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Sau khi phân tích, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định chọn Phương án 3, không lựa chọn Phương án 1 và 2 vì Phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường, sẽ giúp giải quyết được vấn đề và mang lại lợi ích nhiều hơn chi phí.

**4. Chính sách 4: Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số chính sách khác.**

#### **4.1. Bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất**

##### **4.1.1. Xác định vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của vấn đề**

*a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:*

Tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam nhiều nhưng phân bố không đồng đều trong không gian và theo thời gian. Tài nguyên nước dưới đất không những chiếm tỷ lệ cao nhất trong nguồn tài nguyên nước nhạt, mà còn là nguồn tài nguyên có thể được tái sinh, được phục hồi trữ lượng. Tuy nhiên, nước dưới đất không phải là nguồn tài nguyên vô tận. Hiện nay, với việc gia tăng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở nhiều vùng đã gây ra nhiều hệ quả tiêu cực như làm sụt lún đất, suy giảm mực nước ngầm, gia tăng xâm nhập mặn,...đặc biệt là ở các vùng khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn như khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng bằng Nam bộ.

Việc bổ sung nhân tạo nước dưới đất nhằm mục đích tăng lượng nước dưới đất thông qua việc hạn chế sự vận động tự nhiên của hệ thống nước trên bề mặt trái đất bằng cách sử dụng các kỹ thuật xây dựng dân dụng phù hợp. Ở nhiều nơi trên thế giới cũng như ở Việt Nam, lưu lượng dòng mặt biến đổi rất mạnh mẽ theo mùa. Lưu lượng trung bình thường khá lớn, nhưng trong giai đoạn mùa khô, lưu lượng có thể quá nhỏ để có thể hòa tan một cách thích hợp nước thải hoặc cho phép khai thác nước một lượng nước lớn phục vụ cho tưới. Để khắc phục các vấn đề trên có thể giải quyết bằng các công trình nhân tạo đưa nước sông mùa mưa vào chứa trong các tầng chứa nước lân cận và khai thác để cung cấp trong giai đoạn lưu lượng sông cực tiểu vào mùa khô.

Mục đích của các kỹ thuật bổ sung nhân tạo là: (i) Để tăng cường năng suất ổn định ở những khu vực mà tầng chứa nước bị khai thác quá mức làm cạn kiệt; (ii) Bảo tồn và dự trữ lượng nước dư thừa trên bề mặt đất cho những nhu cầu sau này vì những nhu cầu này thường thay đổi theo mùa và theo giai đoạn; (iii) Cải thiện chất lượng của nước dưới đất qua lọc; (iv) Để loại bỏ vi khuẩn và những chất độc, chất bẩn có trong nước công và nước thải để có thể tái sử dụng một cách phù hợp những loại nước này.

Để bảo đảm giảm thiểu tác động đến nguồn nước dưới đất, bảo đảm cung cấp đủ nguồn nước cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở hiện tại và trong tương lai trong bối cảnh thiếu hụt nguồn nước thay thế (nguồn nước mặt), đặc biệt là trong mùa khô thì cần thiết phải có các giải pháp và quy định cụ thể đối tượng, trách nhiệm trong việc bổ cập nước dưới đất từ nguồn nước mưa, nước mặt trong mùa mưa vào các tầng chứa nước để sử dụng trong mùa khô.

*b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:*

Các tầng chứa nước sẽ tiếp tục có nguy cơ bị hạ thấp mực nước quá mức, gia tăng ô nhiễm do vùng cấp chưa được bảo vệ. Chưa có chính sách, quy định cụ thể về các ngành nghề, hoạt động cần hạn chế, nghiêm cấm tại các vùng cấp của nước dưới đất gây lúng túng trong việc thực hiện các biện pháp quản lý, làm ảnh hưởng đến các tầng chứa nước dưới đất.

*c) Nguyên nhân của vấn đề:*

Pháp luật về tài nguyên nước chưa có quy định về vùng bổ cập cho nước dưới đất, về quản lý các hoạt động trong vùng bổ cập cho nước dưới đất.

#### **4.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Có biện pháp, chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn tài nguyên nước dưới đất hiệu quả, nhất là tại các vùng hạn chế khai thác.

#### **4.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**Phương án 1:** giữ nguyên chính sách hiện tại.

**Phương án 2:** bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương về hoạt động bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

**Phương án 3:** sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về đối tượng phải thực hiện bổ sung nhân tạo nước dưới đất, đồng thời bổ sung quy định quyền lợi, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

#### **4.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **4.1.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại**

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không thay đổi chi phí, lợi ích của Nhà nước do chính sách được giữ nguyên.

+ Đối với doanh nghiệp: Không làm thay đổi chi phí, lợi ích của doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không có tác động đến người dân.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Nguồn tài nguyên nước dưới đất chưa được bảo vệ một cách đúng mức gây sẽ gây suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên nước dưới đất, là tài sản thuộc sở hữu của toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

+ Đối với doanh nghiệp: Nguồn tài nguyên nước dưới đất chưa được bảo vệ một cách đúng mức gây sẽ gây suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên nước dưới đất, là tài sản thuộc sở hữu của toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến toàn xã hội, bao gồm các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Nguồn tài nguyên nước dưới đất chưa được bảo vệ một cách đúng mức gây sẽ gây suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên nước dưới đất, là tài sản thuộc sở hữu của toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến toàn xã hội, bao gồm người dân.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

**4.1.4.2. Phương án 2: bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương về hoạt động bổ sung nhân tạo nước dưới đất**

a) *Tác động về kinh tế*:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: việc bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương về hoạt động bổ sung nhân tạo nước dưới đất và quản lý các hoạt động trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất sẽ làm rõ được chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các cơ quan quản lý tài nguyên nước với các bộ, ngành liên quan và địa phương giúp tránh chồng chéo, lãng phí và do đó sẽ có tác động tích cực đối với Nhà nước về mặt kinh tế.

+ Đối với doanh nghiệp: Không làm thay đổi chi phí, lợi ích của doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không có tác động đến người dân.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: việc bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương về hoạt động bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất và quản lý các hoạt động trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất mất nhiều nguồn lực (kinh phí, con người, thời gian) để thực hiện việc xây dựng quy định, đặc biệt nếu không có cơ chế phối hợp chặt chẽ, phù hợp và trách nhiệm thực thi cao từ các bên (là một trong những tồn tại, bất cập hiện nay trong công tác quản lý), rất dễ xảy ra tình trạng kéo dài, không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của các Bộ, ngành, địa phương.

+ Đối với doanh nghiệp: Không làm thay đổi chi phí, lợi ích của doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không có tác động đến người dân.

b) *Tác động về xã hội*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Phương án này tăng cường sự gắn kết, đồng thuận giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc phối hợp về hoạt động bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất và quản lý các hoạt động trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất, từ đó tăng uy tín của các cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương, địa phương.

+ Đối với doanh nghiệp: Do cải thiện được khả năng cung cấp cho các tầng chứa nước làm gia tăng trữ lượng dẫn đến các doanh nghiệp khai thác nguồn nước ngầm có khả năng giảm chi phí khai thác, xử lý nước.

+ Đối với người dân: Mức độ hài lòng và chất lượng đời sống xã hội của người dân được nâng lên khi công tác quản lý về hoạt động bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất và quản lý các hoạt động trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất được triển khai hiệu quả giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu nước của người dân, doanh nghiệp tại các khu vực không có nguồn nước mặt, khu vực có nguồn nước dưới đất bị hạn chế.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: mặc dù cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương có liên quan được xây dựng nhưng vẫn phải theo yêu cầu quản lý chuyên ngành (pháp luật về đất đai; pháp luật đê điều, phòng chống thiên tai ...) vì vậy không giải quyết được triệt để sự chồng chéo, giao thoa.

+ Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất sẽ phải hạn chế một số hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất và các hoạt động trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất.

+ Đối với người dân: Ảnh hưởng đến việc hạn chế một số hoạt động của người dân trong các vùng được xác định là vùng bổ cập của nước dưới đất.

c) *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:* chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) *Tác động tới hệ thống pháp luật:* Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước các quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong hoạt động bổ sung nhân tạo nước dưới đất và quản lý hoạt động trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt và vùng bổ cập cho nước dưới đất.

#### **4.1.4.3. Phương án 3: sửa đổi, bổ sung các quy định về bổ sung nhân tạo nước dưới đất trong Luật Tài nguyên nước**

a) *Tác động về kinh tế, xã hội:*

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Có biện pháp, chính sách quản lý việc bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất và quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất trong các vùng được xác định là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nguồn nước mặt nhằm tăng cường bảo vệ nguồn tài nguyên nước dưới đất.

+ Đối với doanh nghiệp: Do cải thiện được khả năng cung cấp cho các tầng chứa nước làm gia tăng trữ lượng dẫn đến các doanh nghiệp khai thác nguồn nước ngầm có khả năng tiếp cận nguồn nước ổn định, giảm chi phí khai thác, xử lý nước.

+ Đối với người dân: Người dân có lợi ích trong việc sử dụng nguồn nước sạch hơn, có giá cả hợp lý hơn.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh các chi phí về nhân lực, ngân sách để thực hiện việc thẩm định các hoạt động bổ cập cho nước dưới đất trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng không có nước mặt.

+ Đối với doanh nghiệp: Ảnh hưởng đến việc hạn chế các hoạt động của doanh nghiệp trong vùng bổ cập của nước dưới đất.

+ Đối với người dân: Ảnh hưởng đến việc hạn chế các hoạt động của người dân trong vùng bổ cập của nước dưới đất.

*b) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:* không phát sinh thủ tục hành chính.

*d) Tác động tới hệ thống pháp luật:* Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước Luật theo hướng:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ sung nhân tạo nước dưới đất;

- Quy định cụ thể về bổ sung nhân tạo nước dưới đất và lộ trình thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.

#### **4.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Sau khi phân tích, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định chọn Phương án 3, không lựa chọn Phương án 1 và 2 vì Phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường, sẽ giúp giải quyết được vấn đề và mang lại lợi ích nhiều hơn chi phí.

### **4.2. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến bảo vệ lòng, bờ, bãi sông**

#### **4.2.1. Xác định nguyên nhân và những vấn đề bất cập**

*a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:*

Vùng đất ven sông, không gian dọc bờ sông có giá trị cao về môi trường, cảnh quan văn hóa, đặc biệt tại các khu đô thị lớn. Chính vì thế, tình trạng lấn chiếm, sử dụng sai mục đích vùng đất ven sông đang diễn ra ngày càng gia tăng, xâm phạm đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước, đặc biệt diễn ra tại các khu đô thị lớn, đông dân cư như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Tình trạng lấn chiếm sông, xây dựng các công trình trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông như dự án sông Đòng Nai, dự án sông Hàn,... làm thu hẹp dòng chảy luôn là vấn đề nóng



thu hút sự quan tâm của dư luận. Bên cạnh đó, việc sạt, lở bờ sông đang diễn ra ngày càng thường xuyên gây thiệt hại về tài sản, đe dọa mạng sống của người dân cũng đang ngày càng gia tăng đặc biệt tại vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ tính riêng vùng ĐBSCL đã có 564 điểm sạt lở với tổng chiều dài trên 834km. Mặc dù đã có nhiều giải pháp công trình lẫn phi công trình như các công trình kè bờ, chống sạt lở nhưng chỉ là các giải pháp chống đỡ tại khu vực xảy ra sạt lở mà thiếu sự đánh giá tổng quan, xem xét trên cả lưu vực. Các hoạt động khai thác cát, sỏi, xây dựng công trình thủy, công trình chỉnh trị sông trên phạm vi lòng, bờ, bãi sông không được xem xét, đánh giá tổng thể đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ, bồi, xói lòng dẫn, xói lở bờ, bãi sông, suy giảm mực nước sông trong mùa cạn, bảo tồn các hệ sinh thái liên quan. Chính vì thế tình trạng sạt, lở vẫn tiếp tục diễn ra tại khu vực thượng, hạ lưu v.v. xâm phạm, lấn chiếm bờ, bãi sông vẫn là điểm nóng trên truyền thông trong thời gian vừa qua.

Liên quan đến công tác quản lý các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông, Luật Tài nguyên nước có quy định về đảm bảo sự lưu thông của dòng chảy tại Điều 30, quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước tại Điều 31 và quy định về phòng chống sạt, lở lòng, bờ bãi sông tại Điều 63. Cụ thể hóa các quy định này, các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý về tài nguyên nước quy định tại Nghị định 43/2015/NĐ-CP về quản lý, lập hành lang bảo vệ nguồn nước và của Nghị định 23/2020/NĐ-CP quy định về cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Tuy nhiên, việc quản lý sông, hồ hay các vấn đề liên quan đến bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ ở nước ta chưa được xem xét một cách cụ thể, đầy đủ và tổng hợp. Mặc dù về bản chất tự nhiên, dòng sông, hồ và các yếu tố liên quan như bờ sông, thảm phủ thực vật, các vùng đất ven sông... là một thể thống nhất và có mối tương tác qua lại chặt chẽ, nhưng việc quản lý các đối tượng này hiện vẫn còn riêng rẽ và đôi khi, chưa có sự thống nhất với nhau. Trên thực tế, trên cùng một dòng sông, đoạn sông đang được nhiều cơ quan quản lý như tài nguyên nước, thủy lợi, giao thông, đất đai, xây dựng ... theo yêu cầu quản lý chuyên ngành (pháp luật về giao thông đường thủy nội địa điều chỉnh luồng lạch và phần sông có công trình thủy; pháp luật đê điều, phòng chống thiên tai điều chỉnh phần bờ và bãi sông có đê...).

Khi xảy ra xói lở, sạt lở bờ thì phần phòng ngừa do ngành tài nguyên và môi trường thực hiện mà vẫn chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa cơ quan quản lý tài nguyên nước với các cơ quan, bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh dẫn đến tình trạng xâm phạm đến vùng hành lang bảo vệ nguồn nước, có nguy cơ gây sạt, lở lòng, bờ bãi sông. Các quy định về phạm vi và các hoạt động trong vùng lòng, bờ, bãi sông vẫn còn phân tán thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước, thủy lợi, phòng chống thiên tai, môi trường v.v. do đó chưa có những nhìn nhận tổng quát về công tác quản lý, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông hồ một cách tổng hợp, thống nhất, chưa có sự đánh giá tác động tổng thể đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông; bảo đảm sự

lưu thông của dòng chảy và hệ sinh thái ven sông. Vì vậy để tăng cường công tác quản lý các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông cần phải luật hóa các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đã được quy định trong Nghị định 43/2015/NĐ-CP về quản lý, lập hành lang bảo vệ nguồn nước và của Nghị định 23/2020/NĐ-CP quy định về cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông giúp quản lý tổng hợp, thống nhất các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông.

*b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:*

Nếu không giải quyết bất cập nêu trên thì những thực trạng sạt, lở lòng, bờ bãi sông, lấn chiếm sông vẫn tiếp diễn và việc chòng chéo trách nhiệm, không có sự thống nhất về quản lý các hoạt động trong vùng lòng, bờ, bãi sông dẫn đến tình trạng các vùng đất ven sông bị lấn chiếm, dòng sông bị thu hẹp v.v. là thay đổi dòng chảy trên sông như một số vụ việc nổi cộm gần đây mà truyền thông đã đưa tin như lấn sông Đông Nai, sông Sài Gòn trong thời gian vừa qua.

*c) Nguyên nhân của vấn đề:*

Pháp luật về tài nguyên nước chưa phân công phân cấp quy định cụ thể về bảo vệ dòng sông và các hoạt động trên sông có liên quan đến khai thác, bảo vệ, phòng chống tác hại do nước gây ra chưa rõ ràng.

**4.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Nhằm tăng cường chức năng, tính hiệu lực, hiệu quả về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, phù hợp với yêu cầu thực tế.

**4.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

**Phương án 1:** giữ nguyên chính sách hiện tại.

**Phương án 2:** tăng cường thanh, kiểm tra các hoạt động về bảo vệ dòng sông và các hoạt động trên sông có liên quan đến khai thác, bảo vệ, phòng, chống tác hại do nước gây ra.

**Phương án 3:** sửa đổi, bổ sung và luật hóa các quy định liên quan đến hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

**4.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**4.2.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại**

*a) Tác động về kinh tế:*

- Tác động tích cực:

Việc giữ nguyên quy định như hiện nay không mang lại tác động tích cực đối với Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư sống ven sông.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: việc thực hiện công tác bảo vệ lòng bờ bãi sông không hiệu quả ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước; mất thêm thời gian, nguồn lực cho các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy.

+ Đối với doanh nghiệp: không làm thay đổi chi phí, lợi ích của doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: đối mặt với nguy cơ sạt lở lòng, bờ bãi sông, gây thiệt hại về tài sản, không được hưởng lợi từ các biện pháp bảo vệ lòng bờ, bãi sông, vùng đất ven sông bị mất cảnh quan ảnh hưởng đến các giá trị kinh tế, sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

*b) Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực: Việc giữ nguyên quy định như hiện nay không mang lại tác động tích cực đối với Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư sống ven sông.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: việc thực hiện công tác bảo vệ lòng bờ bãi sông không hiệu quả ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước; mất thêm thời gian, nguồn lực cho các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy.

+ Đối với doanh nghiệp: Không làm thay đổi chi phí, lợi ích của doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Bức xúc của người dân khi phải đối mặt với nguy cơ sạt, lở, vùng đất ven sông bị mất cảnh quan ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

Sự gắn kết giữa các bên liên quan, giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư là rất thấp.

*c) Tác động về giới:* không có tác động về giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc giữ nguyên quy định pháp luật hiện hành không tác động đối với hệ thống pháp luật.

#### **4.2.4.2 Phương án 2: tăng cường thanh, kiểm tra về các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông**

*a) Tác động về kinh tế:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: việc tăng cường thanh, kiểm tra các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông theo đó có sự tham gia, phối hợp giữa các cơ quan quản lý tài nguyên nước với các cơ quan, bộ, ngành liên quan và địa phương giúp tăng cường quản lý các hoạt động trong phạm vi này giúp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông do đó sẽ có tác động tích cực đối với Nhà nước về mặt kinh tế.

+ Đối với doanh nghiệp: việc tăng cường thanh, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông sẽ giúp các doanh nghiệp nâng cao hiểu biết về pháp luật tài nguyên nước, tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến hoạt động nói trên, từ đó sẽ giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, sản xuất.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: việc tăng cường thanh kiểm tra về bảo vệ dòng sông và các hoạt động trên sông gây ra mất nhiều nguồn lực (kinh phí, con người, thời gian) để thực hiện việc xây dựng quy định, đặc biệt nếu không có cơ chế phối hợp chặt chẽ, phù hợp và trách nhiệm thực thi cao từ các bên (là một trong những tồn tại, bất cập hiện nay trong công tác quản lý), rất dễ xảy ra tình trạng kéo dài, không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của các Bộ, ngành, địa phương.

+ Đối với doanh nghiệp: việc tăng cường thanh, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông sẽ phần nào ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, gây phát sinh nhu cầu về thời gian, nhân lực để làm việc với các đoàn thanh, kiểm tra.

#### *b) Tác động về xã hội*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Phương án này tăng cường việc triển khai, quản lý các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông giúp có sự gắn kết, đồng bộ giữa các Bộ, ngành, địa phương về bảo vệ dòng sông và vùng đất ven sông từ đó tăng uy tín của các cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương, địa phương.

+ Đối với người dân: Mức độ hài lòng và chất lượng đời sống xã hội của người dân được nâng lên khi công tác quản lý về bảo vệ dòng sông và các hoạt động trên sông có liên quan đến khai thác, bảo vệ, phòng chống tác hại do nước gây ra được triển khai hiệu quả, bảo vệ tính mạng và tài sản của dân.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: mặc dù tăng cường thanh, kiểm tra việc thực thi các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông nhưng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương có liên quan chưa được xây dựng nhưng vẫn phải theo yêu cầu quản lý chuyên ngành (pháp luật về giao thông đường thủy nội địa điều chỉnh luồng lạch và phần sông có công trình thủy; pháp luật đê điều, phòng chống thiên tai điều chỉnh phần bờ và bãi sông có đê...) vì vậy không giải quyết được triệt để sự chùng chéo, giao thoa, chưa làm rõ được đối tượng quản lý về nguồn nước và công trình thủy lợi giữa lĩnh vực tài nguyên nước và thủy lợi.

+ Đối với người dân: việc bảo vệ dòng sông và các hoạt động trên sông có liên quan đến khai thác, bảo vệ, phòng chống tác hại do nước gây ra bị chùng chéo ảnh hưởng đến công tác triển khai các dự án liên quan đến hoạt động này hoặc không hiệu quả gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

#### *c) Tác động về giới: không có tác động về giới.*

d) *Tác động về thủ tục hành chính*: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do chỉ bổ sung quy định cụ thể về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương về bảo vệ dòng sông và các hoạt động trên sông có liên quan đến khai thác, bảo vệ, phòng, chống tác hại do nước gây ra.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: không tác động lên hệ thống pháp luật.

#### **4.2.4.3. Phương án 3: sửa đổi, bổ sung và luật hóa các quy định liên quan đến hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.**

a) *Tác động về kinh tế*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: cơ quan quản lý về tài nguyên nước quản lý hiệu quả các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông.

+ Đối với doanh nghiệp: đảm bảo an toàn cho các dự án được triển khai trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông.

+ Tác động đối với người dân: người dân được hưởng lợi từ các giá trị về cảnh quan, văn hóa, môi trường mà nguồn nước và vùng đất ven sông mang lại.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước mất nguồn lực (thời gian, nhân lực, kinh phí) để thẩm định ảnh hưởng đến lòng, bờ, bãi sông của các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông được mở rộng

+ Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi lòng, bờ bãi sông mở rộng sẽ mất thời gian cho các hoạt động này.

+ Đối với người dân: Phương án này không có tác động tiêu cực đối với người dân.

b) *Tác động về xã hội*:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: đảm bảo môi trường tự nhiên, cảnh quan văn hóa vùng đất ven sông, đảm bảo chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước. Uy tín Nhà nước được nâng cao và các mục tiêu đảm bảo an ninh nguồn nước từng bước được thực hiện.

+ Đối với người dân: Mức độ hài lòng và chất lượng đời sống xã hội của cộng đồng dân cư được nâng cao. Hình thành sự gắn kết cao, đồng thuận giữa các bên liên quan, giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước mất nguồn lực (thời gian, nhân lực) để cho ý kiến về các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

+ Đối với doanh nghiệp: mất thêm thời gian để có ý kiến các cơ quan quản lý tài nguyên nước đối với các hoạt động trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông.

c) *Tác động về giới*: không có tác động về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*: phát sinh thủ tục hành chính về chấp thuận bằng văn bản đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*:

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước các quy định về:

- Hành lang bảo vệ nguồn nước.
- Phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ.

#### **4.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:**

Với các phân tích nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn Phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường như đã nêu trên.

### **4.3. Phòng, chống tác hại do nước gây ra**

#### **4.3.1. Xác định vấn đề bất cập**

a) *Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:*

**Vấn đề 1:** Dưới tác động của biến đổi khí hậu, gia tăng nhu cầu khai thác, sử dụng nước cho các ngành thì tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn ngày càng gia tăng và tác động lớn đến nguồn nước, các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống của người dân. Việc điều hòa, phân phối nguồn nước là hết sức cần thiết để đảm bảo nguyên tắc công bằng, hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trên cùng một lưu vực sông, giữa thượng lưu với hạ lưu và giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực do hạn hán, thiếu nước đến dân sinh, kinh tế, xã hội và môi trường.

Luật Tài nguyên nước 2012 đã có quy định về điều hòa, phân phối tài nguyên nước, tuy nhiên mới chỉ đưa ra nguyên tắc chung mà chưa quy định cụ thể các hoạt động, giải pháp thực hiện, đặc biệt là việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước; chưa phân công cụ thể trách nhiệm cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là trách nhiệm chủ trì điều phối về tài nguyên nước còn chồng chéo giữa Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi, dẫn đến hiệu quả xử lý, ứng phó với tình huống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong thời gian qua chưa cao, còn nhiều lúng túng và chưa rõ trách nhiệm của cơ quan điều phối.

Vì vậy, để thực hiện các giải pháp điều hòa, phân phối nguồn nước đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực do hạn hán, thiếu nước gây ra, đảm bảo quyền ưu tiên cao nhất về số lượng, chất lượng nước cấp cho sinh hoạt thì cần có quy định, hình thành khung cơ sở pháp lý quy định rõ trong Luật và các văn bản dưới Luật có liên quan về chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, các đơn vị liên quan từ Trung ương đến địa phương để giải quyết được hiệu quả vấn đề hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

**Vấn đề 2:** Luật Tài nguyên nước và các văn bản dưới Luật cũng đã có quy định về phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo thông qua quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông lớn ở Việt Nam. Việc ban hành các Quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông lớn có ý nghĩa hết sức quan trọng, đã góp phần cắt, giảm lũ, đảm bảo các yêu cầu sử dụng nước hạ du, từng bước hướng tới mục tiêu sử dụng tổng hợp nguồn nước và phòng chống tác hại do nước gây ra, sử dụng hợp lý, hiệu quả hơn nguồn nước của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; gắn chế độ vận hành của công trình với các yêu cầu về phòng, chống lũ và điều tiết nước dưới hạ du các hồ để đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường của các địa phương trên các lưu vực sông lớn, quan trọng của nước ta. Tuy nhiên, hiện nay việc điều tiết các hồ chứa theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông chưa linh hoạt, chưa hướng tới việc vận hành theo thời gian thực để tối ưu hoá việc điều tiết nguồn nước cho các mục đích sử dụng, đặc biệt là trong bối cảnh các nguồn năng lượng tái tạo (gồm điện mặt trời, điện gió) gia tăng với số lượng lớn như hiện nay đã dẫn đến việc thường xuyên phải xả nước mà không qua phát điện của các nhà máy thủy điện, gây lãng phí tài nguyên nước.

Vì vậy, để đảm bảo tối ưu hoá việc điều tiết nguồn nước các hồ chứa để đáp ứng cho các mục đích sử dụng nước, giảm thiểu tối đa các tác hại do nước gây ra thì Quy trình vận hành liên hồ chứa phải được xây dựng, ban hành hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực và cần có quy định, hình thành khung cơ sở pháp lý quy định rõ trong Luật và các văn bản dưới Luật có liên quan về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước trong việc đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng các yêu cầu vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực và tham gia đóng góp kinh phí xây dựng, vận hành hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều tiết, vận hành liên hồ chứa và hoạt động của tổ chức lưu vực sông, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

**Vấn đề 3:** Chưa có quy định khung pháp lý về bắt buộc phải có các giải pháp phòng, chống ngập lụt (hạn chế san lấp hồ ao, giải pháp tích trữ, tiêu thoát nước mưa) khi lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị mới tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, giao thông...., các giải pháp tăng khả năng tiêu thoát nước, giảm thiểu ngập úng. Luật quy hoạch đô thị và các văn bản dưới Luật chưa có quy định liên quan về các giải pháp cụ thể phòng chống ngập úng nhân tạo khi quy hoạch các khu đô thị mới. Thực tế tại các đô thị hiện nay cũng đã có những giải pháp kết hợp như thiết kế bể bơi, các khu vui chơi, công viên... tùy thuộc vào diện tích không gian từng khu vực. Tuy nhiên, đây đều là giải pháp thực hiện theo thiết kế không gian đô thị chưa chú trọng về mục đích về tích trữ, tiêu thoát nước mưa giảm ngập úng nhân tạo.

Tình trạng ngập lụt ở các đô thị lớn hiện nay có nguyên nhân chủ quan và khách quan. Một là do mưa lớn (điển hình trận lụt do mưa tại Hà Nội tháng 11-2008); hai là ngập lụt do triều cường và nước biển dâng (đối với các thành phố ven biển như Thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau, Hải Phòng...); ba là ngập lụt do hệ thống tiêu thoát không đủ năng lực (bao gồm các hệ thống cống nội thành, kênh rạch và trạm bơm tiêu); bốn là do san lấp các vùng trũng ven đô và năm là

ở những đô thị mà công tác duy tu bảo dưỡng và dọn vệ sinh, dọn rác cho hệ thống tiêu thoát nước (cả vị trí thu và đường ống) chưa thực sự được quan tâm cũng làm tăng ngập úng cục bộ ở thành phố; năm là đối với vùng đô thị, môi trường xây dựng dày đặc, việc xuất hiện ngày càng nhiều đô thị mới, chung cư, nhà cao tầng dẫn đến quá trình thấm tự nhiên suy giảm nên dòng chảy mặt sinh ra thường lớn hơn so với lưu vực tự nhiên. Trong 5 nguyên nhân cấu thành ngập lụt thì nguyên nhân thứ 5 được cho là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây thêm tình trạng ngập úng đô thị.

Đồng thời dưới tác động biến đổi khí hậu và hiện tượng nóng lên toàn cầu, mưa lớn gây ra tình trạng ngập lụt ngày càng tăng và trầm trọng hơn rất nhiều tại các khu vực đô thị. Tại 02 thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm gần đây thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng khi có mưa lớn, đây là 02 thành phố chịu rủi ro thiên tai lũ lụt cao hơn rất nhiều so với một thành phố khác do vị trí địa lý vùng đất thấp và nhiều nguyên nhân khác và trong đó có nguyên nhân chính là mật độ khu đô thị, chung cư, nhà cao tầng dày đặc. Mưa lớn, bề mặt thấm ít, khả năng thoát nước hạn chế, chính vì vậy sau mỗi trận mưa vừa, mưa to, hầu hết các đô thị này đều xảy ra ngập úng cục bộ thường xuyên nhất là vào mùa mưa. Từ tình trạng ngập úng kéo dài dẫn tới hậu quả tổn thất kinh tế khi phải đầu tư một khoản kinh phí khổng lồ để khắc phục cho các vùng đô thị bị ảnh hưởng do mưa, ngập lụt.

Như vậy có thể thấy đô thị hóa là nhân tố làm vấn đề ngập lụt trở nên nghiêm trọng và xảy ra thường xuyên hơn so với lưu vực tự nhiên. Hơn nữa, đô thị hóa còn làm giảm thời gian trễ (tăng thời gian tập trung nước-thời gian từ đỉnh mưa đến đỉnh lũ) làm ngập úng xảy ra nhanh hơn, khó ứng phó hơn. Chính vì vậy, các giải pháp thực hiện chống ngập lụt đô thị cần kết hợp linh hoạt, hài hòa trước mắt và lâu dài cũng như giữa giải pháp công trình và phi công trình. Hơn nữa, các giải pháp cần phải thực hiện đồng bộ, toàn diện ở nhiều quy mô khác nhau từ lưu vực sông, toàn thành phố đến từng khu đô thị, khu dân cư hay từng hộ gia đình mới có hy vọng quản lý được tình trạng ngập lụt thành phố hiện nay. Việc đưa ra quy định giải pháp công trình thu gom nước mưa, phòng chống ngập cho các nhà chung cư, nhà cao tầng tại các đô thị sẽ giúp cải thiện được đáng kể ngập lụt đô thị trong tương lai.

Qua nghiên cứu khung pháp lý ở nước ta hiện tại chưa có quy định về giải pháp tích trữ, thoát nước mưa, phòng, chống ngập ở các đô thị, cụ thể:

- Đối với Luật Tài nguyên nước và các văn bản dưới Luật: cũng đã có những quy định chung về phòng, chống ngập lụt và quy định về việc hồ, ao, đầm, phá không được san lấp, tuy nhiên các giải pháp ở quy mô trên toàn lưu vực sông như trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông nhằm phòng, chống và giảm lũ cho hạ du, vận hành tối ưu hồ, đập thượng nguồn và cửa sông...

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 tập trung quy định về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh hoạt động quy hoạch đô thị; tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị; quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị phê duyệt.



Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết về công tác quy hoạch đô thị như: Nghị định 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; không quy định cụ thể các giải pháp cụ thể trong thu trữ nước mưa, các giải pháp giúp giảm ngập đô thị.

+ Nghị định 38/2010/NĐ-CP quy định về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị: quy định về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị;+ Nghị định 39/2010/NĐ-CP về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị: quy định quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị; xây dựng công trình ngầm đô thị; đấu nối quan trắc bảo trì công trình ngầm; các Thông tư số 19/2010/TT-BXD quy định về hướng dẫn lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; số 10/2010/TT-BXD ban hành quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị; số 11/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị. Nhìn chung các văn bản quy phạm trên trên chưa có quy định ràng buộc cụ thể về các giải pháp công trình thu trữ, quản lý nước mưa hiệu quả giúp giảm ngập lụt tại các đô thị mới.

Vì vậy, để thực hiện việc hạn chế san lấp hồ ao, các giải pháp tích trữ, thoát nước mưa để phòng chống, giảm thiểu và thích ứng với thiên tai lũ lụt tại các đô thị, cần có quy định, hình thành khung cơ sở pháp lý quy định rõ trong Luật và các văn bản dưới Luật có liên quan về chức năng nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, các đơn vị liên quan từ Trung ương đến địa phương để giải quyết được hiệu quả vấn đề ngập lụt đô thị hiện nay.

*b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:*

Chưa có hành lang pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp về: điều hòa, phân phối nguồn nước, phân công rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương để đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực do hạn hán, thiếu nước gây ra, đảm bảo quyền ưu tiên cao nhất về số lượng, chất lượng nước cấp cho sinh hoạt; thực hiện việc đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng các yêu cầu vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực và tham gia đóng góp kinh phí xây dựng, vận hành hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều tiết, vận hành liên hồ chứa và hoạt động của tổ chức lưu vực sông, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện các giải pháp tích trữ, thoát nước mưa để phòng chống, giảm thiểu ngập úng khi xem xét phê duyệt cũng như lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị mới, khu dân cư, quy hoạch giao thông. Khi đó sẽ không có cơ hội để các nhà đầu tư, đơn vị tổ chức thiết kế xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền cũng không có căn cứ phê duyệt phương án quy hoạch đô thị mà được áp dụng các giải pháp công trình phòng chống ngập lụt từ đó sẽ không góp phần trong công tác phòng chống ngập lụt đô thị.

*c) Nguyên nhân của vấn đề:*

Vấn đề 1: Quản lý tài nguyên nước chưa hướng đến quản lý tổng hợp, thống nhất theo lưu vực sông, cụ thể: việc gia tăng khai thác, sử dụng nước, phát triển các công trình trữ nước phục vụ đơn mục tiêu cho từng ngành mà chưa quan tâm

đền sử dụng nước đa mục tiêu gây mâu thuẫn giữa các ngành sử dụng nước, giữa thượng lưu và hạ lưu.

Vấn đề 2: Sự biến đổi khó lường của các yếu tố khí tượng thủy văn và các giải pháp hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành hồ chứa chưa đảm bảo đáp ứng các yêu cầu vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực.

Vấn đề 3: Tốc độ đô thị hóa là nhân tố làm vấn đề thiên tai lũ lụt trở nên nghiêm trọng và xảy ra thường xuyên hơn so với lưu vực tự nhiên ở các khu vực đô thị. Tốc độ đô thị hóa và ngập lụt ngày càng gia tăng và thêm vào đó là sự quá tải, vượt khả năng thiết kế của các hệ thống tiêu thoát nước.

#### **4.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Vấn đề 1: Quy định thể các hoạt động, giải pháp thực hiện điều hòa, phân phối tài nguyên nước, đặc biệt là việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước; phân công cụ thể trách nhiệm cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là trách nhiệm chủ trì điều phối về tài nguyên nước để quản lý tài nguyên nước tổng hợp, thống nhất theo lưu vực sông.

Vấn đề 2: Quy trình vận hành liên hồ chứa phải được xây dựng, ban hành hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực và đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng các yêu cầu vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực.

Vấn đề 3: Nâng cao hiệu quả trong quản lý nước mưa, phòng, chống ngập lụt đô thị nhằm thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu, kết hợp tạo môi trường cảnh quan xanh đẹp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

#### **4.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

- **Phương án 1:** giữ nguyên chính sách hiện tại (không có quy định cụ thể về điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán thiếu nước; không quy định bắt buộc phải có giải pháp để giảm thiểu ngập lụt đô thị).

- **Phương án 2:** bổ sung các quy định về khuyến khích ưu tiên các giải pháp thu trữ nước mưa đối với từng hộ dân.

- **Phương án 3:** sửa đổi, bổ sung các quy định về điều hòa, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước; vận hành liên hồ chứa hướng tới vận hành theo thời gian thực; bắt buộc có các giải pháp hạn chế san lấp hồ ao, tích trữ, thoát nước mưa để phòng, chống ngập lụt khi quy hoạch các đô thị mới và quản lý các hồ ao hiện hữu, hạn chế công hóa kênh, sông...

#### **4.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **4.3.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại**

a) Tác động về kinh tế:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện đồng nghĩa với chưa có quy định mới bổ sung nên không có tác động tích cực trong việc phòng chống giảm nhẹ tình trạng hạn hán, thiếu nước, ngập úng đô thị.

+ Đối với doanh nghiệp: khi chưa có các quy định pháp lý thì các doanh nghiệp không phải thực hiện các công việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành theo thời gian thực; không phải thực hiện các thiết kế liên quan, không phải đầu tư kinh phí thực hiện.

+ Đối với người dân: sẽ có tác động tích cực khi người dân tham gia mua nhà ở thuộc các khu đô thị mới với giá rẻ hơn vì dự án chưa phải đầu tư thêm các chi phí về hạng mục công trình trong phòng chống ngập lụt tại các khu đô thị.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện đồng nghĩa với chưa có quy định mới bổ sung nên không có quy định để tổ chức thực hiện chủ trương nhà nước trong việc thực thi các giải pháp phòng chống hạn hán, thiếu nước, ngập lụt đô thị; không có công cụ để quản lý hiệu quả, thống nhất các hoạt động quản lý, điều phối về tài nguyên nước dẫn đến bị động, lúng túng trong triển khai thực hiện các giải pháp khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ngập lụt đô thị.

+ Đối với doanh nghiệp: Tăng chi phí phát sinh khi đầu tư giải pháp hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để phục vụ vận hành hồ chứa theo thời gian thực và chi phí thiết kế đầu tư dự án. Tuy nhiên, các chi phí này sẽ được thu hồi thông qua lợi ích trong việc vận hành hồ chứa linh hoạt, giảm xả thừa nước, tăng lợi ích từ việc vận hành hồ chứa tối ưu, vận hành phát điện linh hoạt; tăng giá trị của khu đô thị thông qua không gian xanh, các tiện ích đảm bảo cuộc sống của người dân không bị ảnh hưởng bởi ngập lụt đô thị, môi trường sống được cải thiện.

+ Đối với người dân: phát sinh thêm chi phí khi tham gia mua nhà tại các dự án đô thị mới vì các dự án phải đầu tư thêm kinh phí cho các giải pháp công trình chống ngập lụt, tuy nhiên các chi phí này tăng không nhiều và môi trường sống của người dân sẽ được cải thiện.

*b) Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: không có quy định khung pháp lý để triển khai thực hiện trên thực tế, không có tác động tích cực tạo điều kiện cho xã hội phát triển, không hiệu quả trong công tác quản lý.

+ Đối với doanh nghiệp: khi không có quy định cụ thể các giải pháp đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành hồ chứa theo thời gian thực và giải pháp chống ngập thì các dự án của các doanh nghiệp có giá thành thấp hơn khi không phải đầu tư thêm kinh phí cho các giải pháp này. Tuy nhiên sẽ không sử dụng nước tối ưu, linh hoạt dẫn đến xả thừa nước mà không được phát điện và không có tích cực tạo cảnh quan không gian xanh cho đô thị.

+ Đối với người dân: người dân sẽ tham gia mua dự án ở các đô thị này với giá rẻ hơn.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có quy định khung pháp lý để triển khai thực hiện trên thực tế, không có tác động tích cực tạo điều kiện cho xã hội phát triển, không hiệu quả trong công tác quản lý, đặc biệt là việc quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên nước để giảm thiểu tối đa các tác hại do nước gây ra.

+ Đối với doanh nghiệp: không tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật để điều tiết, sử dụng nước tối ưu, đa mục tiêu, tối đa hóa lợi ích sử dụng nước; không tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia đầu tư, thiết kế các khu đô thị xanh, nhiều giải pháp phòng chống ngập lụt đô thị. Không thu hút được người dân khi tham gia mua dự án vì thiếu các giải pháp về không gian xanh, thu trữ nước tạo cảnh quan môi trường.. không khuyến khích được các doanh nghiệp, xã hội tham gia thực hiện phòng chống ngập lụt đô thị, tạo cảnh quan sinh thái đô thị.

+ Đối với người dân: không được hưởng lợi từ việc vận hành linh hoạt, tối ưu của các hồ chứa, đặc biệt là việc điều tiết nước của các hồ chứa lớn đảm bảo phòng chống lũ, cấp nước hạ du; không được hưởng lợi từ các dự án nhà cao tầng, do thiếu các giải pháp trong tạo cảnh quan, môi trường, không gian xanh trữ thu nước.

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* phương án này không tác động tới bộ máy nhà nước. Giữ nguyên quy định hiện tại, không ảnh hưởng tới các hệ thống pháp luật khác.

**4.3.4.2. Phương án 2: bổ sung các quy định về khuyến khích ưu tiên các giải pháp thu trữ nước mưa đối với từng hộ dân**

*a) Tác động về kinh tế:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: có quy định mới làm cơ sở hình thành khung pháp lý khuyến khích từng hộ dân có giải pháp thu trữ nước mưa, nâng cao ý thức của người dân trong phòng chống tác hại của nước, góp phần giảm thiểu thiệt hại do nước gây ra cho toàn xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tới các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: tăng khả năng thu gom nước, tái sử dụng nước vào một số các hoạt động có yêu cầu chất lượng nước thấp hơn như rửa xe, rửa dọn nhà cửa chuồng trại, dẫn đến giảm các khoản chi cho nước sinh hoạt, sản xuất.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tới các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: tốn kém hơn vì phải đầu tư chi phí giải pháp thu trữ nước mưa.

*b) Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Quy định bổ sung nội dung này sẽ nâng cao uy tín của cơ quan nhà nước trong việc triển khai chủ trương về phòng chống tác hại do nước gây ra, góp phần nâng cao ý thức người dân, toàn xã hội trong chủ động phòng chống tác hại do nước gây ra.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tới các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: nâng cao ý thức người dân, toàn xã hội trong chủ động phòng chống tác hại do nước gây ra, ngoài ra việc thu gom tích trữ nước mưa còn sử dụng vào một số mục đích yêu cầu thấp về chất lượng như xả nhà vệ sinh, tưới vườn, rửa xe... giúp giảm sức ép nhu cầu cấp nước thành phố.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: phát sinh thêm các sửa đổi bổ sung quy định mới.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tới các doanh nghiệp

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực đối với người dân khi có thêm quy định này.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến mỗi giới do các quy định về khuyến khích các giải pháp chống ngập lụt đô thị là quy định chung, không phân biệt giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Phương án này đòi hỏi có những thay đổi trong các quy định tại Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định chính sách này cần bảo đảm tương thích với các quy định về Luật quy hoạch đô thị và quy định nhà ở có liên quan.

**4.3.4.3. Phương án 3: Sửa đổi, bổ sung các quy định về phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo.**

*a) Tác động về kinh tế:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: có quy định mới làm cơ sở hình thành khung pháp lý giúp triển khai áp dụng thực tế. Các cơ quan nhà nước sẽ có cơ chế phối hợp rõ ràng, cụ thể trong điều hòa, phân phối tài nguyên nước, đặc biệt là chủ động điều

phối trong trường hợp hạn hán, thiếu nước. Đồng thời, chủ động được kế hoạch để quản lý trong công tác quy hoạch đô thị; qua đó, có những biện pháp phù hợp để giảm thiểu ngập úng đô thị.

Khi ban hành các chính sách này sẽ tránh cho cơ quan Nhà nước phải bố trí nguồn lực để giải quyết các vấn đề ngập úng mỗi mùa mưa lũ, giảm thiểu hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm do phải đầu tư kính phí các dự án thoát nước chống ngập úng tại các đô thị.

*Ví dụ điển hình cho việc hàng năm các thành phố lớn đầu tư nhiều kinh phí cho các dự án thoát nước:*

Từ năm 2005 đến nay, Hà Nội đã đầu tư hàng chục nghìn tỷ đồng cho các dự án thoát nước, dự án thoát nước Hà Nội có mức đầu tư hơn 8.000 tỷ đồng, hoàn thành vào cuối năm 2016; hai dự án thoát nước, chống ngập cho khu vực phía Tây Hà Nội gồm các quận Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Hà Đông, một số huyện ngoại thành là dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa, Hà Đông với tổng mức đầu tư hơn 7.400 tỷ đồng và Dự án xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc với tổng mức đầu tư hơn 3.600 tỷ đồng.

+ Đối với doanh nghiệp: tăng doanh thu đối với các chủ doanh nghiệp đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành hồ theo thời gian thực; tăng doanh thu của các dự án khi dự án được đầu tư thiết kế với nhiều các giải pháp thu trữ nước mưa kết hợp không gian xanh, đẹp đô thị, hiệu quả tiện ích sử dụng cao.

Ngoài việc phát sinh công việc và tăng giá thành, thì lợi ích đem lại từ việc vận hành hồ chứa theo thời gian thực và áp dụng các giải pháp giảm ngập lụt tại các khu đô thị là rất lớn. Thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua sử dụng nước hiệu quả đa mục tiêu, thúc đẩy tính cạnh tranh giữa các đô thị, khu vực, tòa nhà giữa có và không có thiết kế các không gian xanh, khu vực có kết hợp các giải pháp trữ nước, tạo cảnh quan không gian thoáng đãng.

+ Đối với người dân: Tăng khả năng an toàn trong mùa lũ và khả năng tiếp cận, sử dụng nước trong mùa cạn; tăng chất lượng sống của người dân khi được sinh sống tại các tòa nhà khu đô thị có nhiều giải pháp phòng chống ngập kết hợp không gian xanh, đẹp, tiện ích, tái sử dụng nước mưa phục vụ các mục đích khác.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này. Kèm theo phát sinh sửa đổi văn bản quy định xử phạt liên quan quy định này. Cơ quan Nhà nước phát sinh thêm chi phí, nhân lực thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước; thực hiện xây dựng kế hoạch quản lý quy hoạch đô thị; Đầu tư nguồn lực để tổ chức triển khai các biện pháp được đưa ra trong kế hoạch quản lý quy hoạch đô thị.

+ Đối với doanh nghiệp: tăng chi phí giá thành của việc vận hành sản xuất điện, cấp nước; tăng chi phí giá thành các tòa nhà, việc áp dụng các giải pháp trên làm phát sinh thêm các công việc cũng như làm tăng chi phí giá thành căn hộ của

chủ đầu tư khi phải tăng các chi phí liên quan về thiết kế, hạ tầng do phải đầu tư thêm các hạng mục công trình liên quan về thu trữ nước mưa giảm ngập.

+ Đối với người dân: tăng giá thành mua nhà khi chủ dự án đầu tư thêm kinh phí cho các giải pháp phòng chống ngập.

*b) Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Quy định bổ sung nội dung này sẽ góp phần quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên nước, chủ động ứng phó khi xảy ra hạn hán, thiếu nước để giảm thiểu tối đa các tác hại do nước gây ra, đặc biệt là tác hại do hạn hán, thiếu nước ảnh hưởng đến an sinh, xã hội; góp phần cải thiện tình trạng ngập lụt đô thị giúp xã hội ngày càng phát triển, tăng chất lượng sống của người dân tại các đô thị. Không chỉ giảm lũ, lụt mà còn cải thiện chất lượng nước, làm đẹp cảnh quan và cải thiện môi trường hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học ở khu vực đô thị. Nhóm các giải pháp này rất hiệu quả giúp đô thị có thể thích ứng với biến đổi khí hậu, diễn biến bất thường của thời tiết cũng như giảm hiện tượng nóng lên cục bộ ở đô thị.

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới.

+ Đối với người dân: tăng chất lượng sống của người dân. Khi áp dụng các giải pháp vận hành hồ chứa theo thời gian thực sẽ tăng khả năng được tiếp cận sử dụng nước an toàn. Đồng thời, khi áp dụng các giải pháp phòng chống ngập tích trữ nước mưa, lụt đô thị sẽ giảm rủi ro lũ lụt đô thị thông qua giảm đỉnh lũ và chậm lũ. Người dân không phải chịu các tác động từ ngập úng, thuận tiện trong giao thông đi lại, hạn chế tới mức thấp nhất các hoạt động của cuộc sống. Ngoài ra khi thực hiện các giải pháp không chỉ giảm nguy cơ ngập úng đô thị mà tích trữ nước mưa còn sử dụng vào một số mục đích yêu cầu thấp về chất lượng như xả nhà vệ sinh, tưới vườn, rửa xe... giúp giảm sức ép nhu cầu cấp nước thành phố.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: phát sinh thêm các sửa đổi bổ sung quy định mới.

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới, phải đầu tư kinh phí để thực hiện vận hành hồ chứa theo thời gian thực; thực hiện theo phương án phân phối nguồn nước khi xảy ra hạn hán thiếu nước của cơ quan nhà nước; thực hiện lập đề án thiết kế.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực đối với người dân khi có thêm quy định này.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến mỗi giới do các quy định về khuyến khích các giải pháp chống ngập lụt đô thị là quy định chung, không phân biệt giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên nước các quy định về phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo.
- Sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.

#### **4.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Sau khi phân tích, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định chọn Phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và người dân, tốt hơn cho môi trường sống và đặc biệt hỗ trợ trong giảm thiểu tình trạng hạn hán, thiếu nước, ngập úng cục bộ tại đô thị. Đặc biệt, phương án này thể chế hóa được một số chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ trong giai đoạn hiện nay đối với phòng chống hạn hán, thiếu nước, ngập úng đô thị để giảm bớt nhiều ngân sách Nhà nước trong bố trí phân bổ nguồn tài chính cho giải quyết hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn tại đồng bằng Sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và tình hình ngập úng đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Báo cáo đánh giá tác động chính sách là thành phần trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) đã được gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và đăng tải trên Công Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật được thông qua, trong quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp tục triển khai lấy ý kiến tham vấn rộng rãi các cơ quan, tổ chức, hiệp hội từ Trung ương đến địa phương, cá nhân, chuyên gia trong nước và ngoài nước, các tổ chức khai thác, sử dụng nước... đối với các nội dung liên quan đến các chính sách đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm, các buổi làm việc về dự thảo Luật với cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế, tổ chức hội thảo tại ba miền.

- Ngày 20 tháng 9 năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 5544/BTNMT-TNN gửi các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan và các đơn vị có liên quan trong Bộ, các tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia; Công văn số 5545/BTNMT-TNN gửi Văn phòng Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến đối với dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Đến nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được ý kiến góp ý của 20/21 bộ, cơ quan ngang bộ; 63/63 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường; 19/28 đơn vị trực thuộc Bộ; 10 tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sử dụng nước lớn và không có ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa dự thảo Luật, dự thảo Tờ trình và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Cục cũng đã tổ chức các hội thảo chuyên đề với các chuyên gia, nhà khoa học, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện dự thảo Luật.



### III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý tài nguyên nước ở địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Cơ quan giám sát thực hiện các chính sách: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận; công dân./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**